



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



MỤC LỤC



THÔNG TIN CHUNG

TÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

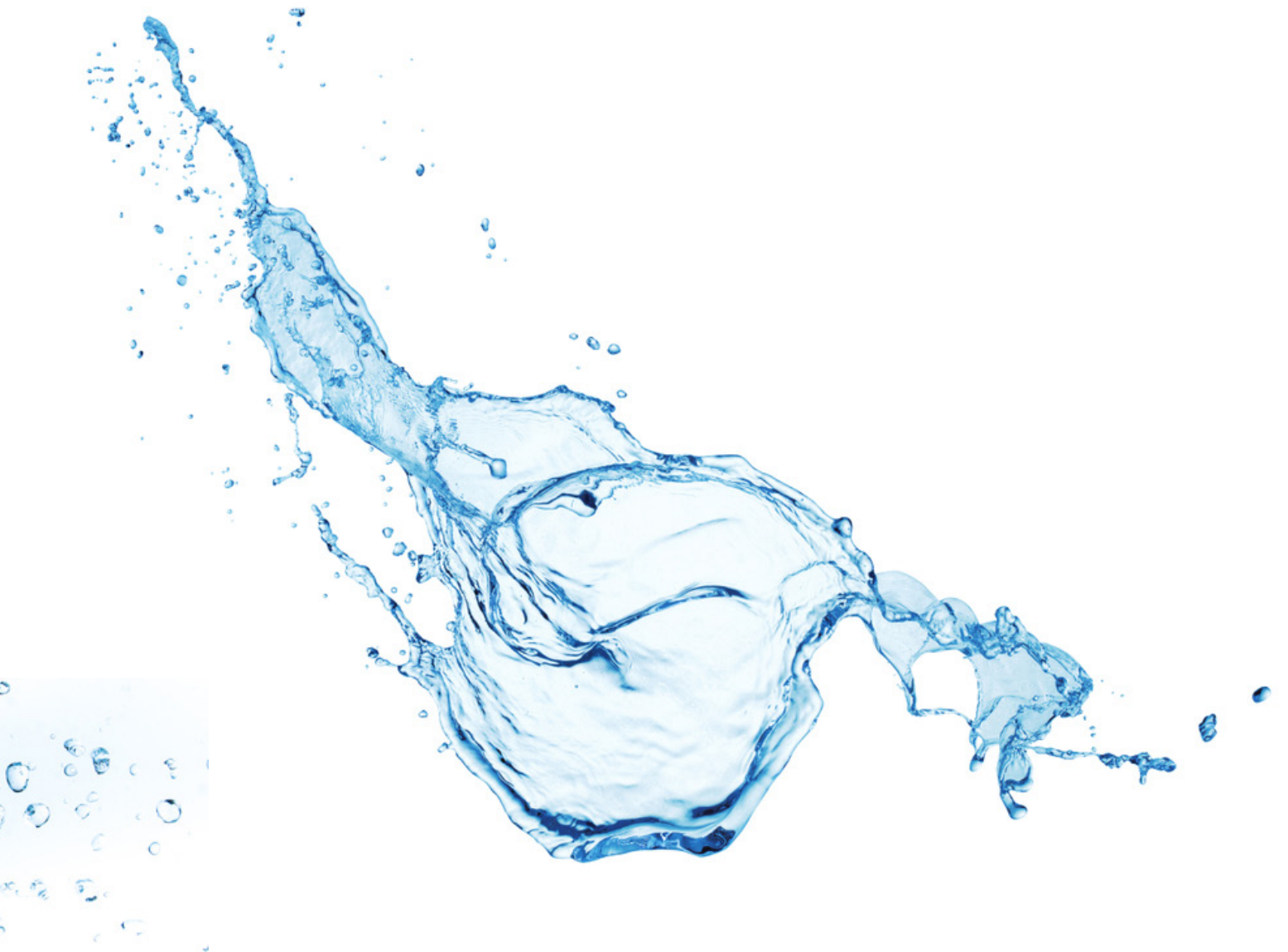
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ

BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CTCP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Tên giao dịch quốc tế	: DONG NAI WATER SUPPLY CONSTRUCTION AND SERVICES JOINT - STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: DWCS
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3600978879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 18/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23/08/2018.
Vốn điều lệ	: 23.450.000.000 đồng
Địa chỉ	: 52 đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số fax	: (0251) 3840 797
Số điện thoại	: (0251) 3941 679
Website	: www.dvxdcn.com
Email	: dvxdcn@yahoo.com.vn
Mã chứng khoán	: DVW
Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD	: 2.345.000 cổ phần

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Với tiền thân là Xí nghiệp Thiết kế Xây dựng – một đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3058/UBND ngày 24/09/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai với tên gọi Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Dự án công trình nhà máy nước Hóa An (địa điểm tại xã Hóa An, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) với công suất 15.000m³/ngày đêm do Công ty làm chủ đầu tư chính thức được khởi công xây dựng vào tháng 3/2013.

Tháng 6/2014, nhà máy nước Hóa An công suất 15.000m³/ngày đêm, trực thuộc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động.

2007

2012

2014



Từ ngày 26/08/2016, Công ty thực hiện tiếp nhận chuyển giao từ Công ty cấp nước Đồng Nai toàn bộ hệ thống cấp nước và khách hàng sử dụng nước cho 4 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn (thuộc thành phố Biên Hòa) để đưa vào vận hành và quản lý (theo Thông báo số 95/TB-CN ngày 31/05/2016 và công văn số 45/CV-HĐQT ngày 21/07/2016 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai).

Ngày 12/10/2017, Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai trở thành công ty đại chúng theo Quyết định số 6848/UBCK-GSDC Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 29/12/2017, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán do VSD cấp (số 241/2017/GCNCP-VSD).

Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận hồ sơ đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, và đã chính thức giao dịch chứng khoán tại sàn Upcom kể từ ngày 06/6/2018.

Tháng 8 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 16,75 tỷ đồng lên thành 23,45 tỷ đồng theo phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2018. Đến ngày 31/12/2018 vốn điều lệ của Công ty là: 23,45 tỷ đồng.



Các giải thưởng, thành tích của Công ty



Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn năm 2012 của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 823/QĐKT ngày 22/01/2013).

Bằng khen đơn vị tổ chức tốt Điều kiện sống và làm việc của Công nhân viên chức ngành Xây dựng năm 2012 được Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam công nhận theo Quyết định ngày 24/01/2013.



Giấy khen đạt thành tích trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn năm 2014 của Công đoàn Tổng công ty Sonadezi (Quyết định số: 04/QĐ-CĐTCT ngày 12/12/2014).

Giấy khen Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc năm 2015 (Quyết định số: 05/QĐ-CĐTCT ngày 19/12/2015).





Giấy khen của Công đoàn Tổng Công ty Sonadezi năm 2015 nhiệm kỳ (2012-2015) đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn.

Bằng khen Đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm 2015 của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 623/QĐKT-LĐLĐ ngày 26/01/2016).

Bằng khen Đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm 2016 của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 794/QĐKT-LĐLĐ ngày 05/01/2017).

Các Giấy khen đơn vị đạt thành tích lao động tiên tiến, xuất sắc từ năm 2009 đến năm 2017 do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai cấp theo các Quyết định khen thưởng của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Bằng khen Tổ công đoàn xuất sắc cho 06 tổ công đoàn trực thuộc công đoàn cơ sở Công ty (Quyết định số 13/QĐKT-CĐTCT ngày 15/01/2019).



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Ngành nghề kinh doanh



Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm, công trình dân dụng, công nghiệp.

Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước.



Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước. Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;



Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch. Khai thác nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp;

Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).

Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai tập trung hoạt động chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với các hoạt động liên quan đến dịch vụ cấp nước và thi công lắp đặt hệ thống nước.

Riêng hoạt động cung cấp nước sạch, phạm vi cấp nước hiện nay của Công ty là các phường xã phía tây nam thành phố Biên Hòa, bao gồm 4 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn.

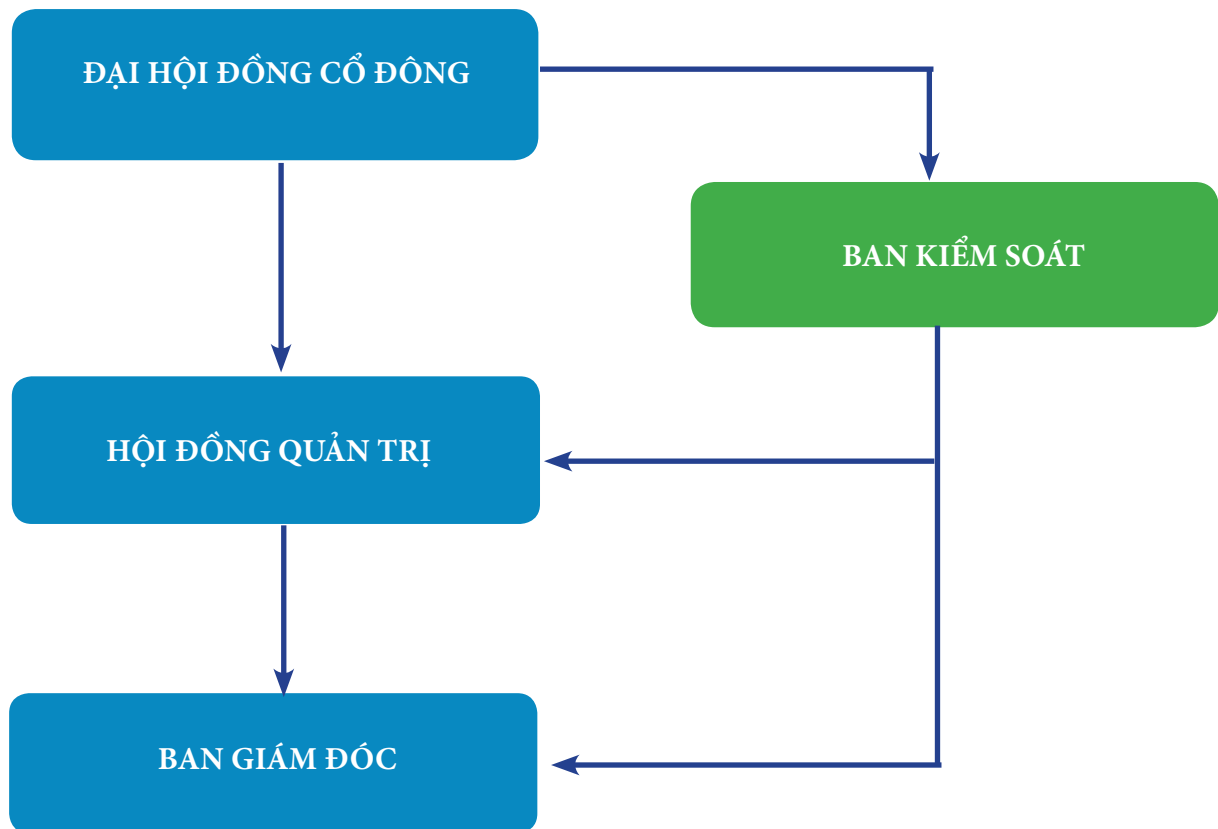
Các sản phẩm tiêu biểu của Công ty

Khai thác, xử lý và cung cấp nước (cung cấp nước sạch);

Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước.

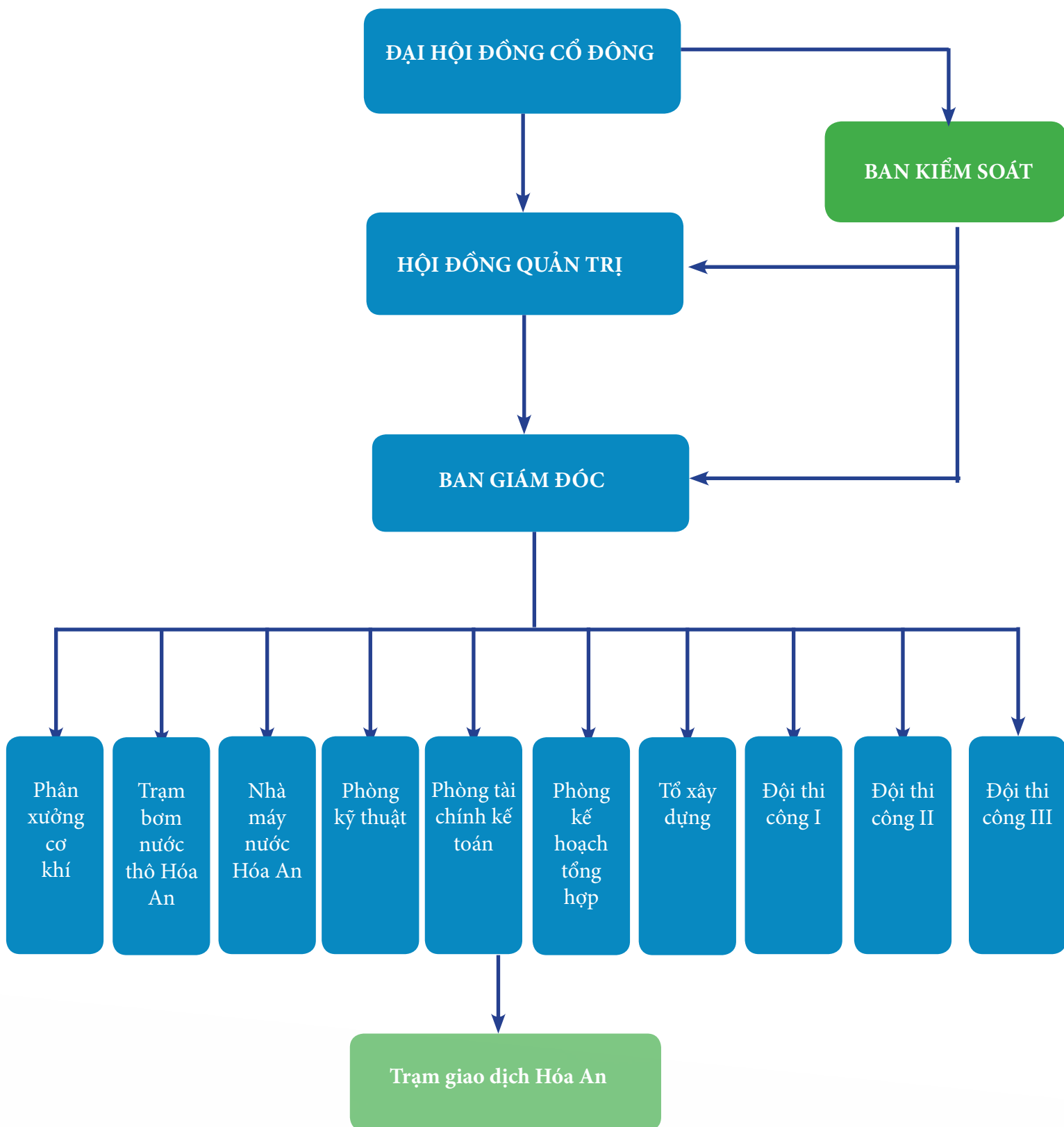


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty. Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2018. Căn cứ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc có trách nhiệm quản trị, giám sát và điều hành doanh nghiệp.

Cơ cấu bộ máy quản lý



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo. Nỗ lực mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển khách hàng, duy trì ổn định sản xuất, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.

Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Công ty đề ra, đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm, đảm bảo kế hoạch phân phối lợi nhuận, cổ tức, đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động.

Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác. Không ngừng phát triển các ngành nghề kinh doanh của Công ty nhằm tối đa hoá lợi nhuận, tăng cổ tức cho các cổ đông.

Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; củng cố và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Duy trì ổn định mảng hoạt động chính của Công ty: thi công lắp đặt hệ thống ống nhánh cho khách hàng, thi công các công trình chuyển đổi, cải tạo sửa chữa, lắp đặt mới hệ thống cấp nước do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai giao thực hiện.

Nắm bắt thông tin để tham gia đấu thầu các dự án có liên quan đến thi công hệ thống cấp nước, các công trình cấp nước sinh hoạt và công nghiệp của

các khu dân cư và đô thị. Chủ động tìm kiếm, khai thác các hợp đồng xây lắp, các công trình thuộc lĩnh vực và chức năng hoạt động của Công ty để đảm bảo kế hoạch về sản lượng & doanh thu xây lắp trong năm 2019.

Tăng cường công tác quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, quản lý thủy lực, quản lý mạng, quản lý khách hàng....





Chiến lược phát triển trung và dài hạn (tt)

Hoàn thiện và không ngừng nâng cao trình độ: quản lý hệ thống phân phối cấp nước, hiện trạng cấp nước, quản lý nhà máy nước, chất lượng nước, quản lý ghi thu, quản lý vật tư thiết bị, quản lý nguồn nhân lực...

Học tập kinh nghiệm từ Công ty mẹ để thực hiện các biện pháp cấp nước an toàn và tập trung thực hiện các giải pháp chống thất thoát nước. Thực hiện triệt để và đồng bộ các giải pháp phòng chống thất thoát nước, xem đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện sản xuất..., nguồn đầu tư lấy từ quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Cân đối nguồn tài chính, tận dụng nguồn lực tài chính.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành, hoàn tất hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán các công trình đã hoàn thành để thu hồi vốn nhanh, nhằm tái đầu tư sản xuất.

Đầu tư lắp đặt mới, phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước để sử dụng hết công suất của nhà máy nước Hóa An 15.000m³/ngày đêm. Thay thế, cải tạo, đấu nối, lắp đặt các tuyến ống cấp nước để đảm bảo cung cấp nước cho khu dân cư 04 phường xã Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn.

Quản lý vận hành tốt nhà máy nước Hóa An 15.000m³/ngày đêm. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức hoạt động và vận hành sản xuất của nhà máy. Tăng cường công tác quản lý và các biện pháp kỹ thuật trong hoạt động sản xuất nước. Tiết kiệm chi phí sản xuất, phấn đấu hạ tỉ lệ thất thoát.

Duy trì hoạt động ổn định trạm bơm nước thô Hoá An, duy trì ổn định sản xuất và đảm bảo cung cấp nước cho các khách hàng đang sử dụng nước. Khai thác khách hàng tiềm năng. Tăng cường phát triển khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước.

Khai thác các lợi thế của doanh nghiệp, nâng cao tính hiệu quả, đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững và lâu dài cho doanh nghiệp.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai nói riêng. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam bị giảm sút so với giai đoạn trước năm 2008, do đó việc hội nhập kinh tế thế giới bị ảnh hưởng, các nhà đầu tư nước ngoài đến Đồng Nai chưa cao. Với các tín hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô, rủi ro kinh tế sẽ giảm bớt và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước nói chung sẽ khả quan hơn. Hoạt động chủ yếu của Công ty là cấp nước, trong đó nước sạch là sản phẩm thiết yếu của người dân và các khu công nghiệp. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty ít bị ảnh hưởng rủi ro kinh tế từ lĩnh vực cung cấp nước sinh hoạt cho dân cư, có thể bị rủi ro kinh tế do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp. Riêng đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước, các yếu tố trên không tác động quá lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, do nước được xếp vào dạng hàng hóa sinh hoạt thiết yếu, gắn liền với an sinh xã hội và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển của Chính phủ. Tuy nhiên, không vì thế mà các doanh nghiệp ngành nước có thể chủ quan, xem thường các yếu tố rủi ro kinh tế.

Rủi ro giá cả

Nước được xếp vào dạng hàng hóa sinh hoạt thiết



yếu, gắn liền với quá trình phát triển đất nước và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển của Chính phủ. Việc cung cấp nước cho dân cư và các khu công nghiệp của Công ty đều do Nhà nước kiểm soát và phụ thuộc hoàn toàn vào khung giá do Nhà nước ban hành. Với khung giá đã được định sẵn, Công ty sẽ gặp khó khăn nếu không kiểm soát được tỉ lệ thất thoát nước, chi phí nhân công, chi phí vận hành sản xuất nước một cách hiệu quả. Ngoài ra, Công ty cũng hoạt động trong khá nhiều lĩnh vực trong đó có các hoạt động thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Vì vậy, những thay đổi về giá của nguyên vật liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn chủ động phòng chống thất thoát nước, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguyên, nhiên vật liệu, và phát động phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết kiệm chi phí sản xuất.



Rủi ro do tỷ lệ thất thoát nước cao

Tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước hiện tại là 17-18%. Nước rò rỉ được phân theo 02 loại: loại dễ thấy (nước tràn lên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua suối...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn.

Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện nhanh chóng, còn đối với các điểm rò rỉ ngầm dưới lòng đất khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Nếu Công ty không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước thất thoát càng tăng lên, ảnh hưởng đến khối lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng.

Việc phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông, đô thị cũng ảnh hưởng không nhỏ ới việc thất thoát nước,

trong quá trình thi công cải tạo, xây dựng mới các tuyến đường làm bể các hệ thống đường ống hiện hữu gây thất thoát nước.

Tỷ lệ thất thoát nước qua đồng hồ khách hàng còn cao. Các đồng hồ lâu năm (trên 5 năm) chưa được thay thế toàn bộ, do Công ty còn đang thực hiện từng bước theo lộ trình. Một số người dân đã xâm phạm vào các công trình cấp nước như: đục, phá, đấu nối, ăn cắp nước. Công tác ghi thu và công tác kiểm tra cần phải chấn chỉnh và tăng cường mạnh mẽ hơn nữa.

Việc quản lý hệ thống phân phối nước và quản lý khách hàng còn ở mức giản đơn, chưa áp dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý khách hàng... cũng phần nào ảnh hưởng đến tỷ lệ thất thoát nước.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO (TT)

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Nguồn nước thô là nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch, được khai thác từ sông Đồng Nai, nguồn nước sông bị ảnh hưởng bởi hai mùa mưa nắng khác nhau, Công ty có thể gặp các rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý nước. Do nguồn nguyên vật liệu chính được khai thác từ tự nhiên, nên nhìn chung nguồn nước thô là nguyên liệu đầu vào của Công ty tương đối ổn định. Tuy nhiên, nguồn nước đầu vào cũng còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như: nồng độ các chất có trong nước, cũng như tình hình khí hậu hàng năm (khô hạn, bão...) sẽ ảnh hưởng đến lưu lượng, chất lượng nước của sông. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các nguyên vật liệu và động lực khác như điện, phèn, vôi, clor, flour và các vật liệu phụ để xử lý nước trước khi hòa vào mạng nước sạch cung cấp cho người dân. Hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp

phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước cao. Một số nhà máy sản xuất đơn lẻ chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như: phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, hoạt động khai thác cát sạn trái phép trên sông, nhất là trong khu vực bảo vệ nguồn nước của Công ty đang khai thác khiến nguy cơ gây ô nhiễm cao.

Những năm gần đây, thời tiết thay đổi khá thất thường, nguồn nước sông có nguy cơ bị nhiễm mặn cao, do đó có thể ảnh hưởng đến nguồn nước thô do Công ty khai thác để sản xuất nước sạch cung cấp cho khách hàng.

Vì vậy, công tác chủ động đảm bảo nguồn nước được cung cấp đầy đủ và đúng tiêu chuẩn chất lượng bằng cách khai thác có kế hoạch, trang bị hệ thống ứng dụng khoa học công nghệ như đưa các thiết bị robot có gắn camera vào trong lòng cống, hay vận hành các thiết bị siêu âm lòng đất để kiểm tra chất lượng đường ống thoát nước.



Rủi ro luật pháp

Sự thay đổi về chính sách, ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Nếu các chính sách, hệ thống pháp luật của nhà nước được ban hành một cách đồng bộ, chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam và thông lệ quốc tế, sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nói chung và của Công ty nói riêng được thuận lợi hơn.

Tiêu chí hàng đầu của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai trong việc định hướng hoạt động là tuân thủ quy định của pháp luật. Với đặc thù là Công ty Cổ phần hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước, những hoạt động của công ty đều chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Tài Nguyên, Luật Bảo vệ Môi trường... cùng với các quy định về an toàn và chất lượng nguồn nước.

Mặt khác, Công ty đang trong giai đoạn đầu hoạt

động theo hình thức công ty cổ phần- công ty đại chúng có cổ phiếu giao dịch trên sàn chứng khoán, nên cần phải nghiên cứu các quy định, luật lệ mới về chứng khoán, thị trường chứng khoán, những thay đổi về phương thức quản trị doanh nghiệp. Vì vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro về pháp lý ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chủ động theo dõi và cập nhật các quy định pháp lý để điều chỉnh hệ thống quy định nội bộ.

Rủi ro khác

Ngoài những yếu tố đã kể trên, còn có rất nhiều nguyên nhân liên quan đến tình hình chính trị, xã hội, dịch bệnh... có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, còn các rủi ro bất khả kháng khác trong hoạt động như: thiên tai, hỏa hoạn... có thể gây thiệt hại lớn, nên Công ty cũng luôn chú trọng để phòng, xây dựng các giải pháp ứng phó nhằm giảm thiểu rủi ro, giữ an toàn về người, tài sản.







TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



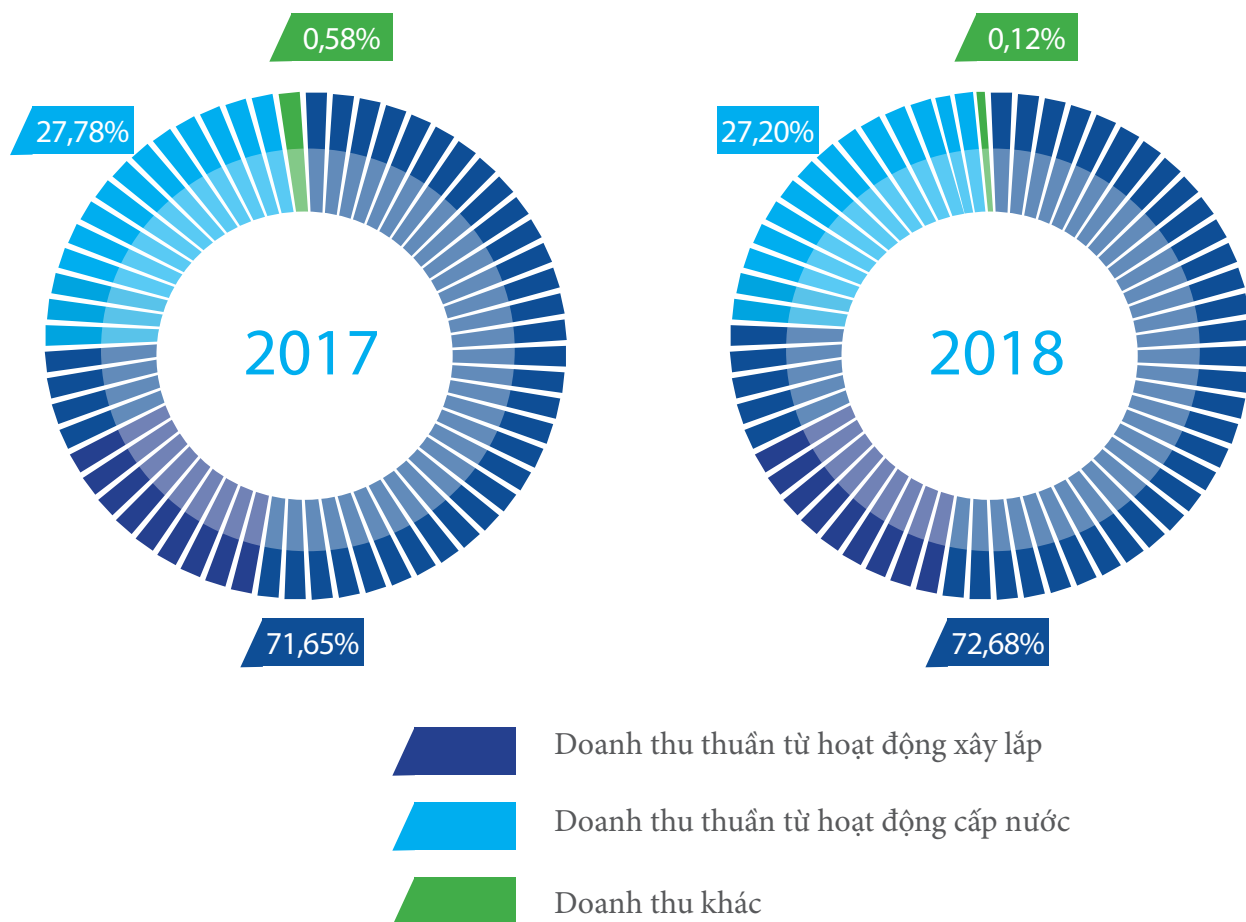
Nền kinh tế Việt Nam phát triển vượt bậc trong năm 2018, cụ thể GDP đạt mức 7,08%; là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua. Ngành cấp nước Đồng Nai tiếp tục phát triển ổn định; với lợi thế của tỉnh Đồng Nai là có nhiều khu công nghiệp, dân cư từ các địa phương khác tập trung về đông kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch cũng gia tăng tương ứng, đòi hỏi sản lượng cung cấp nước ngày càng cao. Các yếu tố này tạo ra tiềm năng tăng trưởng về nhu cầu sử dụng các dịch vụ lắp đặt hệ thống đường

ống cấp nước cho công nghiệp, xây dựng cũng như an sinh xã hội. Để đạt được kế hoạch đề ra, Công ty luôn luôn cố gắng đổi mới chính sách quản lý, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh tạo một tiền đề vững chắc giúp Công ty phát triển ổn định và bền vững. Năm 2018, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Giám đốc cùng toàn thể CBCNV, kết quả kinh doanh Công ty đạt được như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	KH 2018	TH 2018	So kế hoạch	So cùng kỳ
Sản lượng						
Sản xuất nước sạch	m3	4.392.777	4.490.136	4.829.408	107,56%	109,94%
Sản xuất nước thô	m3	562.410	482.474	420.413	87,14%	74,75%
Tiêu thụ nước sạch	m3	3.609.416	3.672.931	3.951.826	107,59%	109,49%
Tiêu thụ nước thô	m3	546.032	468.000	408.239	87,23%	74,76%
Tỷ lệ thất thoát						
Nước sạch	%	17,83%	18,20%	18,17%	-0,03%	0,34%
Nước thô	%	2,91%	3,00%	2,90%	-0,10%	-0,02%
Tổng Doanh thu	Triệu đồng	113.547	81.706	124.508	152,39%	109,65%
Tổng Chi phí	Triệu đồng	102.022	73.706	111.011	150,61%	108,81%
Tổng LN trước thuế	Triệu đồng	11.524	8.000	13.498	168,72%	117,12%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.433	6.400	10.754	168,03%	103,08%

Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	2017		2018	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần từ hoạt động xây lắp	81.352.126.167	71,65%	90.493.334.711	72,68%
Doanh thu thuần từ hoạt động cấp nước	31.539.364.200	27,78%	33.867.802.393	27,20%
Doanh thu khác	655.051.897	0,58%	147.314.928	0,12%
Tổng cộng	113.546.542.264	100,00%	124.508.452.032	100,00%

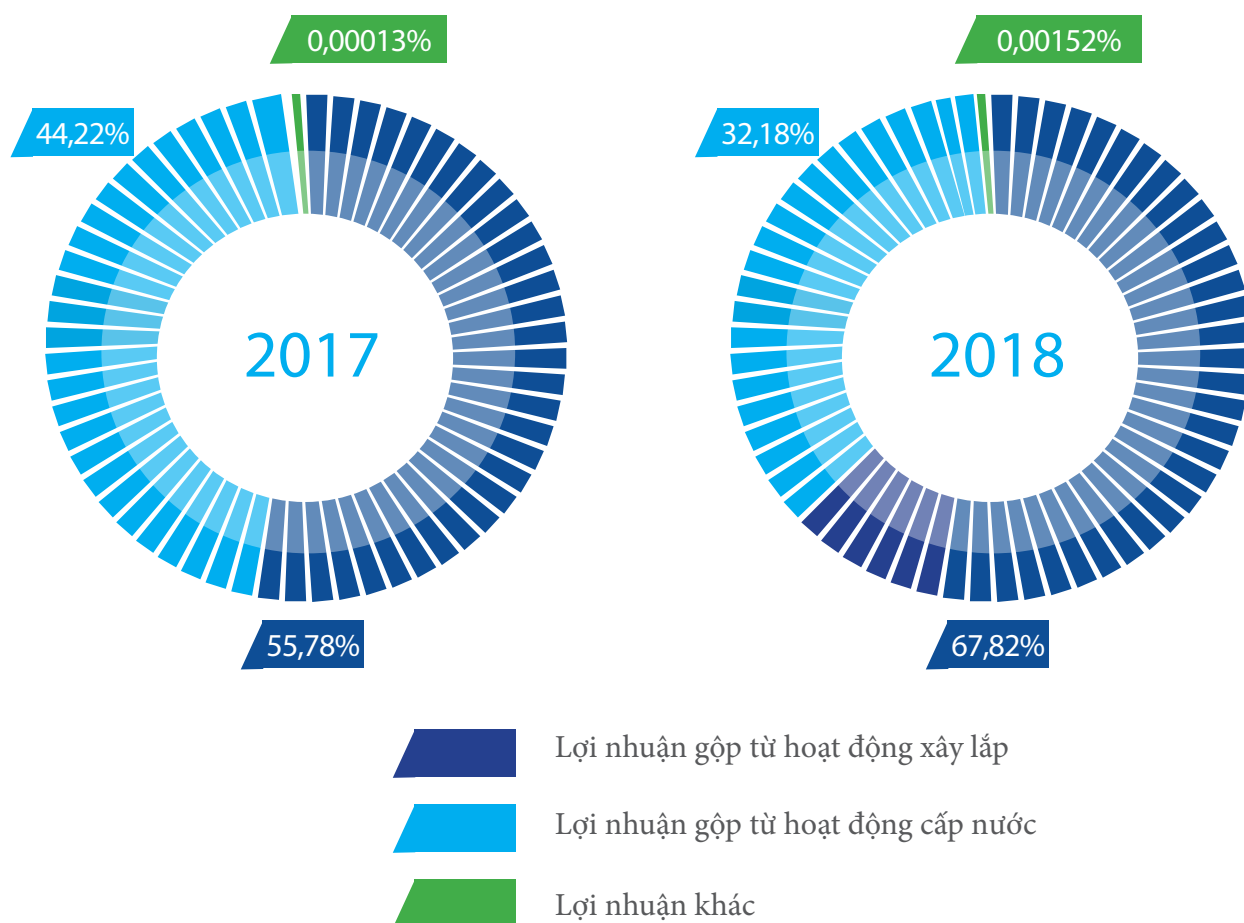


Doanh thu năm 2018 đạt 124.508 triệu đồng, cao hơn 9,65% so với năm 2017 tương đương với mức tăng 10.961 triệu đồng. Doanh thu của các hoạt động kinh doanh xây lắp tăng so với năm 2017 cụ thể tăng 11,24%, trong khi đó doanh thu từ hoạt động cấp nước tăng 7,38% so với năm 2017, hoạt động xây lắp chiếm tỉ trọng cao nhất, chiếm 72,68% trên tổng doanh thu. Hiện tại, đây là mảng hoạt động chính của Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TT)

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Khoản mục	2017		2018	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động xây lắp	10.569.076.968	55,78%	21.378.837.113	67,82%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động cấp nước	8.378.090.087	44,22%	10.144.721.610	32,18%
Lợi nhuận khác	24.160	0,00013%	480.240	0,00152%
Tổng cộng	18.947.191.215	100,00%	31.524.038.963	100,00%



Lợi nhuận gộp năm 2018 đạt 31.524 triệu đồng, cao hơn 66,38% so với năm 2017 tương đương với mức tăng 12.577 triệu đồng. Trong năm, Công ty đạt lợi nhuận gộp từ các hoạt động kinh doanh xây lắp và từ hoạt động cấp nước đều tăng so với năm 2017, cụ thể lần lượt là 102,28% và 21,08%, ngoài ra lợi nhuận gộp từ hoạt động xây lắp chiếm 67,82% trên tổng lợi nhuận gộp.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú (Thành viên độc lập Thành viên điều hành Thành viên không điều hành)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại DVW (Sở hữu cá nhân; sở hữu đại diện)
Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch	Thành viên không điều hành	Sở hữu cá nhân 0 CP, tỷ lệ 0%; Sở hữu đại diện: 515.900 CP, tỷ lệ 22%.
2	Đặng Trọng Thành	Thành viên	Thành viên không điều hành	Sở hữu cá nhân: 29.400 CP, tỷ lệ 1,25%; Sở hữu đại diện: 311.855 CP, tỷ lệ 13,3%.
3	Trần Chiến Thắng	Thành viên	Thành viên điều hành	Sở hữu cá nhân: 139.664 CP, tỷ lệ 5,95%; Sở hữu đại diện: 328.300 CP, tỷ lệ 14%
Ban kiểm soát				
1	Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban	Chuyên trách	Sở hữu cá nhân: 0 CP, tỷ lệ 0%; Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%
2	Đặng Thị Thắm	Thành viên	Không chuyên trách	Sở hữu cá nhân: 0 CP, tỷ lệ 0%; Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%
3	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên	Không chuyên trách	Sở hữu cá nhân: 0 CP, tỷ lệ 0%; Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%
Ban Tổng giám đốc				
1	Phạm Văn Hội	Giám đốc	Thành viên điều hành	Sở hữu cá nhân: 42.112 CP, tỷ lệ 1,79%; Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%
2	Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc	Thành viên điều hành	Có ở mục HĐQT
3	Phan Bình	Phó Giám đốc	Thành viên điều hành	Sở hữu cá nhân: 3.213 CP, tỷ lệ 0,14%; Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%
4	Lê Chí Nguyên Thăng	Kế toán trưởng	Thành viên điều hành	Sở hữu cá nhân: 23.336 CP, tỷ lệ 0,99%; Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)



Sơ yếu lý lịch - Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Cao Hà – Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh : 15/10/1971
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế
Số lượng cổ phần đại diện vốn góp của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai : 515.900 cổ phần, chiếm 22% vốn điều lệ

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
+ Từ 2003 đến 06/2007	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Nhân viên phòng tài chính kế toán
+ Từ 07/2007 đến 07/2010	Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Kế toán trưởng
+ Từ 07/2010 đến 10/2013	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Phó phòng Tài chính kế toán
+ Từ 10/2013 đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
+ Từ 04/2015 đến 04/2018	Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Chủ tịch HĐQT
+ Từ 04/2018 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai.	Chủ tịch HĐQT

Ông Đặng Trọng Thành – Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 20/4/1954
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Đại học – Cử nhân Tài chính Kế toán
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 29.400 cổ phần, chiếm 1,25 % vốn điều lệ

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
+ Từ 08/2001 đến 03/2014	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Giám đốc
+ Từ 04/2014 đến 04/2018	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Chủ tịch HĐQT
+ Từ 04/2018 – nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Thành viên HĐQT



Ông Trần Chiến Thắng – Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc

Ngày sinh : 19/05/1975

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Đại học- Kỹ sư cấp thoát nước

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 139.664 cổ phần, chiếm 5,96 % vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện vốn góp của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai : 328.300 cổ phần, chiếm 14,00 % vốn điều lệ

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
+ Từ 2002 đến 2007	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Phòng Kỹ thuật
+ Từ 01/2008 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Thành viên HĐQT
+ Từ 03/2018 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Phó giám đốc

Sơ yếu lý lịch - Ban kiểm soát



Bà Đỗ Thị Thúy Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh : 12/05/1965

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Đại học – Cử nhân Tài chính Kế toán

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
+ Từ 07/1990 đến 9/2013	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán
+ Từ 10/2013 đến 04/2016	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ
+ Từ 01/2008 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	Trưởng Ban Kiểm soát

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)

Sơ yếu lý lịch - Ban kiểm soát (tt)

Bà Ngô Thị Đài Trang – Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh : 20/09/1975
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
+ Từ 2000 đến 01/2018	Công ty TNHH thương mại N.T.P	Kế toán trưởng
+ Từ 01/2008 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Thắm – Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh : 14/07/1974
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
+ Từ 02/1995 đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Nhân viên
+ Từ 04/2018 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Thành viên Ban Kiểm soát



Sơ yếu lý lịch - Ban giám đốc

Ông Phạm Văn Hội – Giám đốc

Ngày sinh : 05/10/1959
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Đại Học – Kỹ sư cơ khí
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 42.112 cổ phần, chiếm 1,80 % vốn điều lệ

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
+ Từ 13/10/1994 đến 02/2008	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Phó phòng Kế hoạch - Vật tư
+ Từ 01/2008 đến 27/04/2018	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Thành viên HĐQT
+ Từ 03/2008 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Giám đốc

Ông Phan Bình – Phó Giám đốc

Ngày sinh : 30/10/1978
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cấp thoát nước
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 3.213 cổ phần, chiếm 0,14 % vốn điều lệ

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
+ Từ 10/2004 đến 06/2008	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Cán sự XNN Biên Hòa
+ Từ 07/2008 đến 01/2014	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Trưởng phòng Kỹ thuật
+ Từ 02/2014 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Phó Giám đốc

Ông Lê Chí Nguyên Thăng – Kế toán trưởng

Ngày sinh : 16/05/1975
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản lý kinh tế; Cử nhân kế toán, kiểm toán
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 23.336 cổ phần, chiếm 0,995 % vốn điều lệ

Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
+ Từ 10/2005 đến 06/2008	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán
+ Từ 07/2008 đến 05/2010	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Tổ trưởng Tổ Tài chính – Kế toán
+ Từ 06/2010 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	Kế toán trưởng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)

Những thay đổi nhân sự trong năm 2018:

Ngày 27/04/2018, bổ nhiệm ông Nguyễn Cao Hà làm Chủ tịch HĐQT;

Ngày 27/04/2018, miễn nhiệm chức Chủ tịch HĐQT của ông Đặng Trọng Thành;

Ngày 27/04/2018, bổ nhiệm ông Đặng Trọng Thành làm thành viên HĐQT;

Ngày 27/04/2018, miễn nhiệm chức thành viên HĐQT của ông Phạm Văn Hội;

miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Minh Hiếu thôi làm thành viên BKS;

Ngày 27/04/2018, bổ nhiệm bà Đặng Thị Thắm làm thành viên BKS.



Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tính đến 31/12/2018, tổng số lao động của Tổng Công ty là 119 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	119	100%
1	Trên Đại học	1	0,84%
2	Đại học	48	40,34%
3	Cao đẳng	6	5,04%
4	Khác	64	53,78%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	119	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	117	98%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	2	2%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0%

Mức lương bình quân và thu nhập bình quân

TT	Năm	Mức lương bình quân (đồng/người/ tháng)	Thu nhập bình quân (đồng/ người/tháng)
1	2014	6.200.000	8.500.000
2	2015	6.600.000	9.850.000
3	2016	7.400.000	10.000.000
4	2017	7.500.000	11.700.000
5	2018	8.200.000	12.100.000



Chính sách đối với người lao động, cán bộ công nhân viên:

Chính sách đào tạo:

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho người lao động. Đặc biệt chú trọng rèn luyện kỹ năng và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý sản xuất kinh doanh, an toàn lao động và an toàn vệ sinh lao động. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu, nâng cao năng lực cán bộ quản lý. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ. Bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

• Chính sách lương:

Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất và trách nhiệm của người lao động. Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành. Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với tính chất ngành nghề hoạt động, và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề.



• Chính sách khen thưởng:

Hàng tháng, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho việc trả lương và khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Ngoài ra, Công ty thường xuyên thưởng cho người lao động nhân dịp các ngày lễ như: Tết Dương lịch, Tết nguyên đán, Lễ 30/04 và Quốc tế lao động 01/05, Lễ Quốc khánh 2/9. Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty còn có chính sách thưởng hàng kỳ, hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

• Bảo hiểm và phúc lợi người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả những người lao động. Công ty quản lý lao động - tiền lương đúng quy định và chăm lo cho đời sống CB-CNV. Thực hiện đúng các nội dung về thoả ước lao động tập thể đã ký với người lao động. Thực hiện quy chế trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định. Thu nhập và đời sống người lao động được cải thiện, người lao động an tâm công tác và hoàn thành nhiệm vụ. Công tác đoàn thể hoạt động tích cực. Quy chế dân chủ cơ sở được phát huy.



Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm

tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý. Trong những năm qua, Công ty thực hiện chi trả cổ tức như sau:

STT	Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức chi trả
1	2013	15%	Bằng tiền
2	2014	20%	Bằng tiền
3	2015	30%	Bằng tiền
4	2016	30%	Bằng tiền
5	2017	30%	Bằng tiền
6	2018	25%	Bằng tiền

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Nhà máy nước Hóa An 15.000 m³/ngày đêm hoạt động gần hết công suất, nhất là trong những thời gian cao điểm. Do vậy, Hội đồng quản trị Công ty đã có kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Hóa An nhằm đáp ứng nhu cầu cấp nước ngày càng tăng của Công ty. Trước mắt Hội đồng quản trị đang dự kiến lập phương án đầu tư xây dựng bể chứa và đường ống chuyển tải để nâng công suất nhà máy lên 17.000 m³ – 18.000m³/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu cấp nước

trong giai đoạn từ 3 đến 5 năm tới. Tuy nhiên, để thực hiện các phương án này cần phải có nguồn vốn để đầu tư. Hiện nay trong điều kiện tài chính còn nhiều khó khăn, Công ty còn đang phải trả nợ vay của Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai cho 02 Dự án đã đầu tư trước đây. Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty đang tính toán các giải pháp, giải pháp về kỹ thuật, giải pháp về tài chính, v.v..., nỗ lực gia tăng nguồn lực tài chính để cân đối nguồn trả nợ và tích lũy vốn cho đầu tư sản xuất.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	112.451	85.843	-23,66%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	40.181	43.250	7,64%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	112.891	124.361	10,16%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu đồng	11.524	13.497	17,12%
Lợi nhuận khác	Đồng	24.160	480.240	1887,75%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.524	13.498	17,12%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.433	10.754	3,08%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	5.263	4.725	-10,22%



Doanh thu thuần:

Doanh thu năm 2018 đạt 124.361 triệu đồng, tăng hơn 10,16% so với năm 2017 tương đương với mức tăng 11,47 triệu đồng. Hoạt động thi công lắp đặt hệ thống nước là hoạt động chủ yếu của Công ty và luôn tăng trưởng ổn định. Hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch rất có triển vọng vì thị trường đối với dịch vụ cấp nước ngày một tăng. Cùng với tốc độ phát triển dân cư, nhu cầu sử dụng nước

sạch và sản lượng cung cấp nước sạch trên địa bàn 4 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn ngày càng cao. Công ty đã có kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất nhà máy nước Hóa An, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước tiêu thụ. Ngoài ra, Công ty cũng nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tổng Công ty Sonadezi, Công ty cổ phần cấp nước Đồng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TT)

Nai, các Sở, ban, ngành, cơ quan trong tỉnh ... đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được cấp trên giao cho Công ty.

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 10.754 triệu đồng, tăng 3,08% triệu đồng tương ứng tăng 0,32 triệu đồng, Nhìn chung, lợi nhuận sau thuế tăng

trường không đáng kể mặc dù doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cao hơn năm trước, nguyên nhân trong năm Công ty gia tăng các khoản chi phí, cụ thể là chi phí quản lý doanh nghiệp tăng từ 3,7 tỷ đồng lên 12,9 tỷ đồng chủ yếu Công ty gia tăng các khoản tiền lương quản lý...

Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2017	2018
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,04	3,74
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,34	3,00
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	29,48	24,79
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	41,81	32,97
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	4,89	5,23
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,52	1,40
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,70	16,77
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	26,98	32,08
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	17,83	23,40
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,70	21,18





Các chỉ tiêu tài chính (tt)



Về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán đo lường mức độ đáp ứng nghĩa vụ tài chính của Công ty, cả hai hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán hiện hành trong năm 2018 đều tăng so với năm 2017, cụ thể lần lượt là 1,67 lần và 1,68 lần. Điều đó cho thấy khả năng thanh toán trong năm của Công ty đã cải thiện, nguyên nhân đến từ việc Công ty đã tính toán, cân đối các nguồn để thanh toán các khoản nợ vay, đảm bảo sản xuất kinh doanh và an toàn tài chính; cụ thể nợ vay ngắn hạn giảm 13 tỷ, khoản phải trả người bán giảm 25 tỷ.



Về cơ cấu vốn

Trong giai đoạn từ năm 2017 – 2018, hệ số cơ cấu vốn của Công ty đều có sự thay đổi, hai chỉ số đều có xu hướng giảm. Trong đó, hệ số nợ trên tổng tài sản chiếm 49,62%, và chiếm 98,48% vốn chủ sở hữu. Nguyên nhân là do trong năm Công ty chủ động giảm các khoản nợ vay ngắn hạn, các khoản phải trả, điều này cho thấy Công ty đang giảm sử dụng đòn bẩy tài chính nhằm đạt cơ cấu vốn an toàn.



Về năng lực hoạt động

Các chỉ số về năng lực hoạt động giúp đo lường hiệu quả hoạt động của Công ty, trong năm chỉ số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản không biến động nhiều so với năm 2017, cụ thể hai chỉ số lần lượt đạt 17,61 vòng và 1,25 vòng.



Về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời khá tốt. Mặc dù chỉ số ROE của Công ty giảm nhẹ 25,78% so với 26,96% năm 2017, nhưng nhìn chung Công ty vẫn tăng trưởng ở mức tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt hơn nữa, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo luôn luôn nỗ lực xem xét và phân tích chỉ tiêu này để có giải pháp thích hợp trong việc tạo ra doanh thu cũng như quản lý chi phí hiệu quả.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Số lượng cổ phần: 2.345.000 cổ phần

Số cổ phiếu phổ thông: 2.345.000 cổ phần

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Số cổ phiếu đang lưu hành: 2.345.000 cổ phần

Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phần

Cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ	Nơi cấp	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/ VĐL (%)
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	Số 48 Đường CMT8, Phường Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai	844.200	36,00%
Đặng Công Thanh	18/5B Đường CMT8, Phường Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai	Đồng Nai	196.000	8,35%
Trần Chiến Thắng		Đồng Nai	139.664	5,96 %
Đặng Nguyễn Thanh Liêm	18/5B Đường CMT8, Phường Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai	Đồng Nai	140.147	5,97%
Tổng cộng			1.320.011	56,29%

Cơ cấu cổ đông (chốt đến ngày 28/03/2019)

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
I	Cổ đông Nhà nước	0	0
II	Cổ đông nội bộ	234.512	10,000%
III	Cổ đông trong nước	2.344.960	99,998%
1	- Cá nhân	1.253.095	53,437%
2	- Tổ chức	1.091.865	46,561%
IV	Cổ đông nước ngoài	40	0,002%
1	- Cá nhân	0	0
2	- Tổ chức	40	0,002%
TỔNG CỘNG		2.345.000	100,000%



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm với cộng đồng

Trong năm 2018, Công ty đã tham gia các hoạt động cộng đồng và công tác xã hội, từ thiện, đóng góp: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Vì người nghèo, Quỹ học giỏi- sống tốt, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, người nghèo...



Trách nhiệm với môi trường:

Với đặc thù là công ty thuộc ngành cấp nước, mọi hoạt động của Công ty đều có ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường. Nhận thức được điều đó, Công ty luôn thực hiện công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản nguyên liệu, hóa chất xử lý nước... đồng thời, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất nhằm có những biện pháp kiểm soát, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước tại khu vực khai thác và tại khu xử lý, giúp giảm thiểu những rủi ro có thể gây ra ô nhiễm đối với môi trường. Bên cạnh đó, năng lượng chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và phân phối nước sạch là điện, cụ thể trong năm Công ty đã sử dụng 1.062 ngàn KW điện. Việc tiêu thụ năng lượng điện có tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất. Vì vậy, khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú ý để có thể sử dụng tiết kiệm và hợp

lý các nguồn năng lượng, góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước và giảm thiểu chi phí hoạt động.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các biện pháp khác để quản lý chất lượng nước như hệ thống công nghệ áp dụng được bảo trì định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt của máy móc ở mức tốt nhất để ổn định sản lượng nước sản xuất và bơm ra lưới. Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn. Định kỳ hàng tháng Trung tâm y tế dự phòng Đồng Nai xuống lấy mẫu và tiến hành kiểm tra chất lượng nước theo các chỉ tiêu lý, hóa và vi sinh. Chất lượng nước thành phẩm của Công ty luôn đạt các tiêu chuẩn của Bộ y tế. Đặc biệt, Công ty chủ trương thực hiện đúng các quy định về khai thác, xử lý, xả thải, bảo vệ môi trường... do đó, Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm với người lao động

Công tác tham gia quản lý, chăm lo và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVC-LĐ

- Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở:
Hàng năm Ban Giám đốc Công ty phối hợp với Công đoàn cơ sở tiến hành Đại hội Đại biểu CNVC-LĐ, ký kết Thỏa ước Lao động tập thể. Qua Đại hội CNVC-LĐ, Công ty báo cáo công khai kết quả sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các điều khoản đã nêu trong Thỏa ước Lao động tập thể năm trước và nội dung của Thỏa ước Lao động tập thể năm sau để CNVC-LĐ tham gia đóng góp ý kiến xây dựng quy chế và bầu người đại diện cho người lao động tham gia đối thoại.
- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đối với CB.CNV:
 - Công ty đã áp dụng điều chỉnh lại mức lương cho CB.CNV theo quy định Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, chi trả lương sản phẩm không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo Nhà nước quy định.
 - Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về “Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động”.
 - Chi trả tiền lương đúng kỳ hạn và giải quyết tiền thưởng, Lễ, Tết cho CB.CNV kịp thời. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm đánh giá, khen thưởng theo phân loại A, B, C. Cuối năm khen thưởng các cá nhân và tập thể đạt thành tích & danh hiệu trong phong trào thi đua năm 2018.
 - Trích nộp BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ. Mua bảo hiểm tai nạn cho tất cả CB.CNV.
 - Tổ chức xét nâng lương và thi tay nghề cho CB. CNVC-LĐ. Trong năm 2018, tổ chức thi tay nghề nâng bậc, nâng lương cho 26 người.
 - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2018 cho tất cả CB. CNVC-LĐ với tổng số tiền: 74.120.000đ/124 người.
 - Giải quyết kinh phí cho CBCNV đi học nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.
 - Chi tiền ăn trưa 30.000đ/người/ngày.
 - Trợ cấp khó khăn và thăm hỏi CB.CNV khi khó khăn và ốm đau, hiếu hỷ.





- Thăm hỏi đoàn viên Công đoàn và gia đình khi ốm đau, giải quyết trợ cấp đột xuất cho bản thân và gia đình CNVC-LĐ thật sự khó khăn.- Trang bị đầy đủ quần áo, đồng phục cho cho CB.CNV và dụng cụ phục vụ lao động sản xuất. Trang bị Bảo hộ lao động và trang bị đồng phục cho CB. CNVC-LĐ Công ty năm 2018: 395.050.000 đồng.

- Tổ chức cho CNVC-LĐ nghỉ dưỡng, sức phục hồi sức khỏe, cho CB-CNV đi nghỉ mát theo chế độ với tổng số tiền là: 1.108.230.000 đồng.



- Chi tặng quà nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, nhân dịp ngày thành lập Hội Phụ nữ Việt Nam 20/10. Tổ chức tặng quà nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, ngày Tết Trung thu và động viên khen thưởng con CB.CNV có thành tích trong học tập.

Ngoài các chế độ chính sách chung của Nhà nước, lãnh đạo Công ty còn quan tâm chăm lo thêm một số chính sách để động viên người lao động như: chế độ nghỉ việc riêng được hưởng nguyên lương, trợ cấp về hưu, trợ cấp khó khăn đột xuất.

Công tác an toàn vệ sinh lao động và BHLĐ:

- Hàng năm Ban Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện “Tuần lễ Quốc gia an toàn vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ”.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ 6 tháng một lần tại các đơn vị trực thuộc về công tác An toàn VSLĐ- PCCC.

- Tham dự các khóa học về an toàn do Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai tổ chức. Phối hợp với các Sở, ngành hoặc tự tìm hiểu tài liệu để tổ chức các lớp học về an toàn trong sản xuất: điện, thi công lắp đặt hệ thống cấp nước, gia công cơ khí, xây dựng, PCCN. Tổ chức các lớp học về an toàn lao động cho các bộ phận thi công trực thuộc.

- Trang bị và cấp phát đầy đủ quần áo bảo hộ lao động, trang thiết bị an toàn lao động cá nhân, các phương tiện, dụng cụ PCCN như: bình cứu hỏa, mặt nạ phòng độc...

- Thường xuyên theo dõi, sửa chữa, cải tạo trang thiết bị sản xuất và nơi làm việc nhằm cải thiện điều kiện làm việc của người lao động và CB CNV.

- Kết hợp với Phòng cảnh sát PCCC triển khai phương án PCCC tại cơ sở làm việc và nhà máy sản xuất nước, tổ chức lực lượng PCCC tại chỗ với 25 CB.CNV tham gia tập huấn.

- Triển khai phong trào “Xanh- Sạch - Đẹp” đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

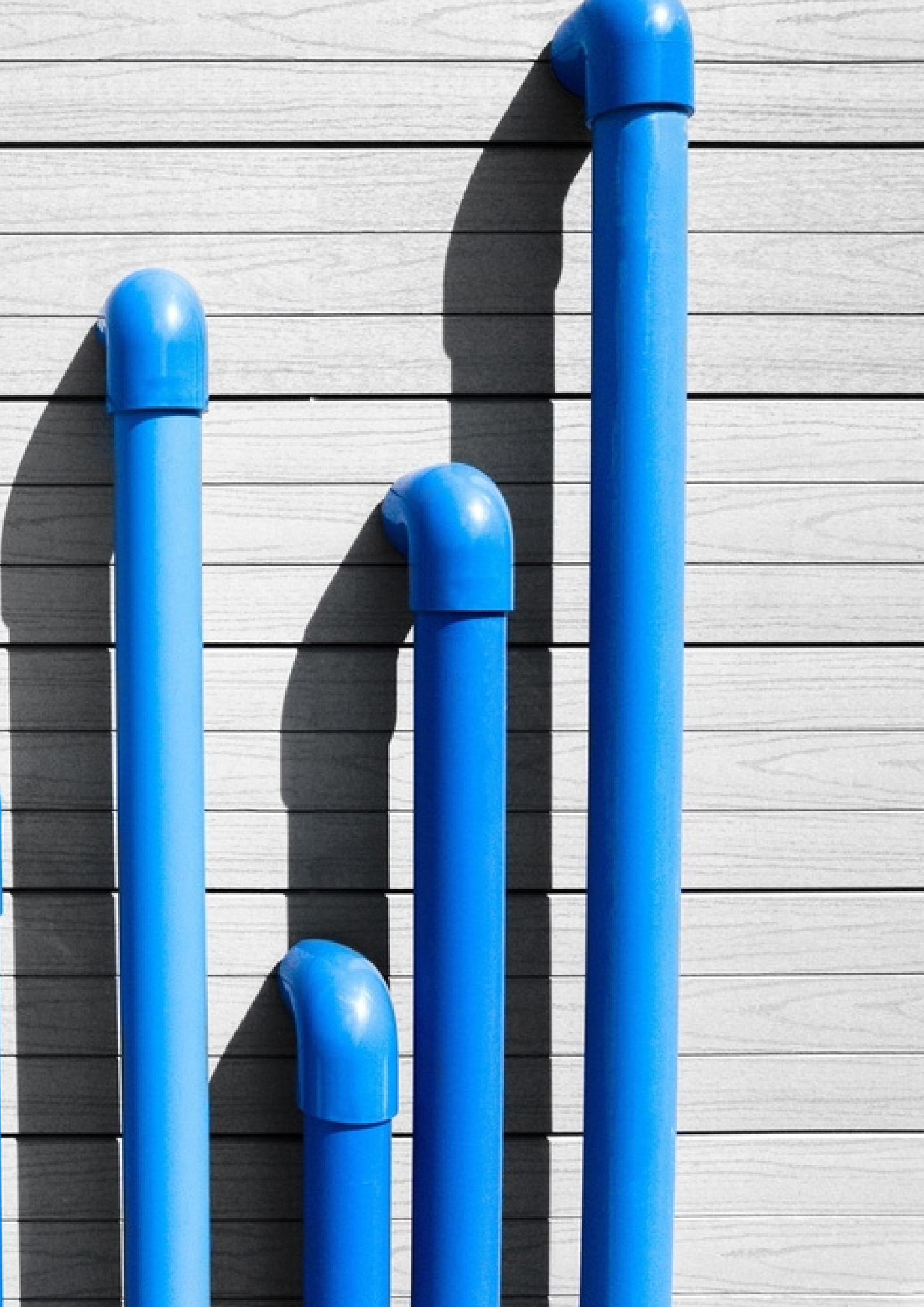
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI





ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2018 tình hình thực hiện kế hoạch của Công ty đều vượt kế hoạch đề ra: tổng doanh thu đạt 152,39% so với kế hoạch, và tăng trưởng 9,65% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 168,03% so với kế hoạch và tăng trưởng 3,08% so với cùng kỳ:

Nguyên nhân đạt được kế hoạch SXKD năm 2018:

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai có năng lực sản xuất tương đối tốt và ngày càng được hoàn thiện. Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty không ngừng học hỏi và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty ngày càng khẳng định năng lực của mình trong lĩnh vực hoạt động cung cấp dịch vụ ngành nước.

Hoạt động xây lắp là ngành nghề truyền thống của Công ty từ khi mới thành lập đến nay, là hoạt động kinh doanh chính và cũng là thế mạnh của Công ty vì Công ty đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Trong những năm qua, doanh thu Công ty luôn tăng trưởng ổn định nhờ vào hoạt động xây lắp, chủ yếu là các công trình lắp đặt hệ thống nước nhận từ Công ty mẹ (Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai).

Công ty nhận được sự hỗ trợ rất lớn từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai trong hoạt động thi công xây lắp, là một thuận lợi rất lớn giúp Công ty ổn định và đẩy mạnh phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.

Những năm gần đây, Công ty mẹ chủ trương cải tạo, chuyển đổi hệ thống nước cho các khu dân cư thuộc phạm vi nội ô, ngoại ô thành phố Biên Hòa. Do vậy, năm 2017 và năm 2018 khối lượng công việc nhận được từ Công ty mẹ là ổn định, thường xuyên và khá lớn. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Từ tháng 8/2016, Công ty đã được Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai chuyển giao hệ thống phân phối cấp nước của 04 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn để vận hành và quản lý. Từ đó góp phần tăng thêm doanh thu cho Công ty từ hoạt động sản xuất và cung cấp nước.

Hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch rất có triển vọng vì thị trường đối với dịch vụ cấp nước ngày một tăng. Cùng với tốc độ phát triển dân cư, nhu cầu sử dụng nước sạch và sản lượng cung cấp nước sạch trên địa bàn 4 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn ngày càng cao. Công ty đã có kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất nhà máy nước Hóa An, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.





Công ty nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tổng Công ty Sonadezi, Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, các Sở, ban, ngành, cơ quan trong tỉnh ... đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được cấp trên giao cho Công ty. Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, các tổ chức đoàn thể quần chúng, cùng tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty luôn đoàn kết nhất trí trong công tác lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần đoàn kết và tự giác cao. Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước như: Xây dựng công

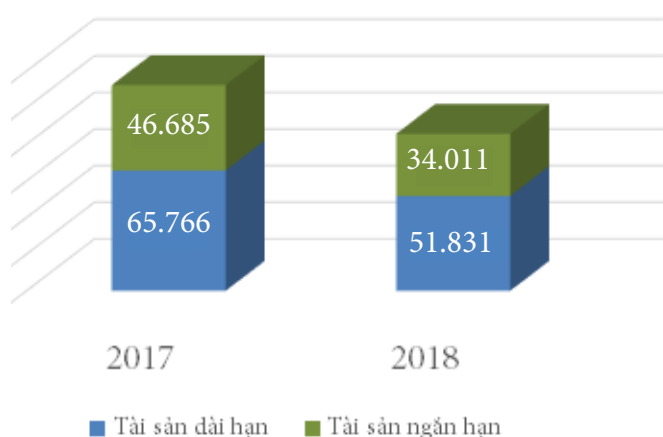
trình đường ống cấp thoát nước, cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình. Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, lắp đặt bơm. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, xây dựng và hoàn thiện các công trình cấp nước. Giám sát thi công công trình, giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình. Sản xuất kinh doanh nước sạch. Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng....

Ngoài các ưu thế và thuận lợi nói trên, để đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty còn thực hiện đồng bộ các giải pháp như: giải pháp về điều hành sản xuất kinh doanh, giải pháp về tài chính, giải pháp về nguồn nhân lực, giải pháp về thị trường, giải pháp về công nghệ v.v., không ngừng học tập kinh nghiệm từ Công ty mẹ và các công ty cùng ngành để nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh.

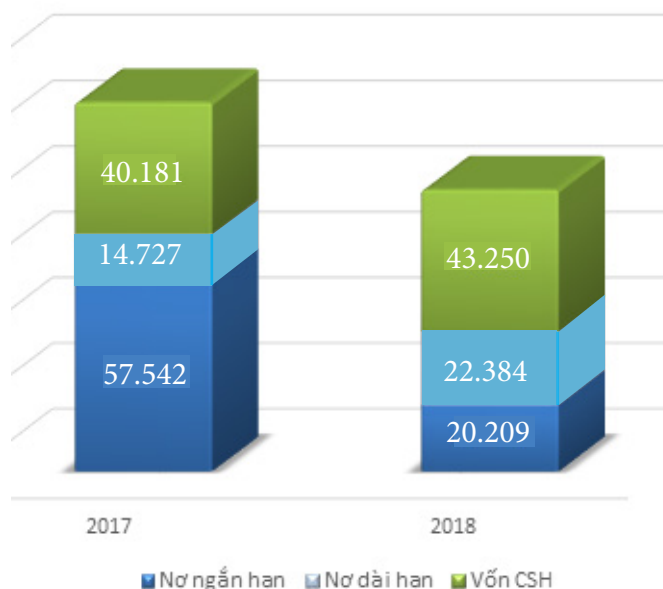
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tài sản dài hạn	65.766	58,48%	51.831	60,38%
Tài sản ngắn hạn	46.685	41,52%	34.011	39,62%
Tổng tài sản	112.451	100,00%	85.843	100,00%
Nợ ngắn hạn	57.542	51,17%	20.209	23,54%
Nợ dài hạn	14.727	13,10%	22.384	26,08%
Vốn chủ sở hữu	40.181	35,73%	43.250	50,38%
Tổng nguồn vốn	112.451	100,00%	85.843	100,00%

Cơ cấu tài sản (triệu đồng)



Cơ cấu vốn (triệu đồng)



Về tài sản

Tại thời điểm cuối năm 2018, tổng tài sản của Công ty đạt 85.843 triệu đồng, giảm 23,66% so với cùng kỳ năm 2017. Tài sản của Công ty giảm chủ yếu là do cả hai mục tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn của Công ty đều giảm, nguyên nhân là do hàng tồn kho trong năm giảm mạnh từ 10,2 tỷ xuống 296,8 triệu đồng; tài sản cố định giảm 18,26% so với năm 2017.

Về nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn trong năm 2018 của Công ty có sự chuyển dịch. Cụ thể, nợ phải trả giảm từ 64,27% xuống 49,62% tổng nguồn vốn, còn vốn chủ sở hữu tăng từ 35,73% lên mức 50,38% tổng nguồn vốn. Cơ cấu nguồn vốn của Công ty thay đổi là do nợ phải trả của Công ty có sự biến động mạnh. Cụ thể năm 2018 nợ phải trả của Công ty là 42.593 triệu đồng, giảm 41,06% so với năm 2017. Điều này cho thấy Công ty dần chuyển sang sử dụng khả năng thanh toán, tỷ suất cân nợ và chỉ tiêu an toàn tài chính. Từ đó nâng cao uy tín và vị thế của Công ty trên thương trường.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019
1	Sản lượng		
	- Sản xuất nước sạch	m3	4.763.000
	- Sản xuất nước thô	m3	385.170
	- Tiêu thụ nước sạch	m3	3.915.220
	- Tiêu thụ nước thô	m3	374.000
2	Tỷ lệ thất thoát		
	- Nước sạch	%	17,8%
	- Nước thô	%	2,9%
3	Tổng Doanh thu		61.401.000.000
	- DT sản xuất nước sạch	đồng	32.642.570.000
	- DT sản xuất nước thô	đồng	1.683.430.000
	- DT Xây lắp	đồng	27.000.000.000
	- DT hoạt động tài chính	đồng	75.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.250.000.000
5	Thuế TNDN (20%)	đồng	1.250.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.000.000.000
7	Tỷ lệ chia cổ tức trên VDL	%	15%/VDL
8	Phát sinh nộp ngân sách nhà nước	đồng	4.800.000.000
9	Tổng vốn điều lệ	đồng	23.450.000.000
10	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VDL	%	26,6%





Giải pháp về điều hành sản xuất kinh doanh

Công tác thi công lắp đặt đường ống:

- Chủ động tìm kiếm, ký kết các hợp đồng xây lắp, các công trình thuộc lĩnh vực và chức năng hoạt động của Công ty. Nắm bắt thông tin để tham gia đấu thầu các công trình, các dự án có liên quan đến thi công hệ thống cấp nước, các công trình cấp nước sinh hoạt và công nghiệp của các khu dân cư và đô thị.
- Chú trọng công tác kỹ thuật đường ống, các biện pháp an toàn trong thi công. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật trong thi công để nâng cao chất lượng dịch vụ lắp đặt.
- Thường xuyên kiểm tra các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu, chi phí sử dụng máy thi công. Quản lý vật tư, thiết bị, công cụ lao động. Kiểm soát chi phí nhân công thuê ngoài.
- Từng bước cải tiến các thủ tục hành chính cho phù hợp. Phối hợp tốt với chính quyền địa phương để được hỗ trợ đáp ứng yêu cầu về xây dựng và thi công lắp đặt các công trình cấp nước. Quy trình thực hiện công tác lắp đặt chặt chẽ, hợp lý, đảm bảo nhanh gọn và triển khai đồng bộ nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng.

Công tác sản xuất và cung cấp nước:

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực chưa có nước. Tăng cường phát triển khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước.
- Triển khai thực hiện và học hỏi kinh nghiệm Công ty mẹ trong việc vận hành, quản lý hệ thống cấp nước (từ khâu cấp nước ra mạng, bảo trì tuyến ống chuyển tải, khai thác và phân phối cấp nước, lắp đặt và ghi thu khách hàng, quản lý khách hàng, quản lý mạng...) đặc biệt là công tác chống thất thoát nước.
- Khai thác tối đa công suất của nhà máy nước Hóa An 15.000m³/ngày trên cơ sở thực hiện các giải pháp kỹ thuật về hệ thống bơm, hệ thống xử lý, hệ thống đường ống. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của Công ty mẹ (chi nhánh cấp nước Biên Hòa) trong việc đấu nối, vận hành và điều phối sản lượng cấp nước.
- Quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất của nhà máy xử lý nước Hóa An: quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào; duy trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị; quản lý chất lượng nước. Thực hiện các qui định về khai thác tài nguyên, xử lý, xả thải, bảo vệ môi trường...



Công tác ghi thu:

- Cải tiến công tác ghi thu, công tác kiểm ghi, kiểm thu. Quản lý công tác ghi thu theo Quy trình ghi thu tiền nước đã ban hành và thực hiện.
- Tính toán giá nước hợp lý. Bộ phận xử lý, điều chỉnh chỉ số tiêu thụ nước và hóa đơn tiền nước theo đúng quy định. Thực hiện theo dõi công nợ, theo dõi tình hình tiêu thụ nước của khách hàng. Phấn đấu giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.

- Hoàn thiện và cải tiến các hình thức thu tiền nước không dùng tiền mặt, tạo thuận tiện cho khách hàng trong việc thanh toán tiền nước. Triển khai phổ biến hình thức hóa đơn điện tử.
- Thường xuyên kiểm tra công tác ghi thu. Phát huy hiệu quả việc ghi chỉ số nước bằng Smartphone. Hoàn thiện nghiệp vụ giao dịch khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.



Giải pháp về tiết kiệm chi phí sản xuất

- Đầu tư đúng mục đích và yêu cầu đối với các tài sản cố định, máy thi công, máy móc thiết bị sản xuất và trang thiết bị quản lý... để phục vụ hoạt động sản xuất.
- Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguyên, nhiên vật liệu, chi phí sử dụng điện trong qui trình sản xuất nước tại nhà máy và trong công tác thi công lắp đặt.
- Vận hành và phân bổ bơm hợp lý để tiết kiệm điện năng. Thay thế, trang bị các máy bơm và các thiết bị điện có công suất tiêu thụ điện hợp lý, hao tổn ít điện năng. Lắp đặt tụ bù và các thiết bị chống sét đảm bảo tiết kiệm điện và an toàn thiết bị.
- Tích cực thực hiện các biện pháp phòng, chống thất thoát nước. Tìm ra nguyên nhân để có biện pháp khắc phục và hạn chế tỷ lệ thất thoát.

- Thay thế, cải tạo các tuyến ống cấp nước bằng sắt tráng kẽm. Sửa chữa, thay thế các đường ống cũ, lâu năm thường xuyên bị rò rỉ, xì, bể...Lắp đặt biển tần và các thiết bị kiểm soát áp lực đường ống. Đảm bảo chế độ bơm phù hợp, điều hòa áp lực nước bơm ra mạng.
- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: kiểm tra chống thất thoát qua đồng hồ khách hàng.
- Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực sửa chữa đường ống, xử lý ống bể, đảm bảo phát hiện và sửa chữa nhanh chóng kịp thời các sự cố ống bể.
- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết kiệm chi phí sản xuất. Khuyến khích, khen thưởng cho các cá nhân, đơn vị có thành tích hoặc sáng kiến trong lao động sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm...

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 (TT)

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 (tt)

Giải pháp về quản trị kinh doanh

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty: tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư XDCB, đầu tư TSCĐ, việc chấp hành chế độ, chính sách Nhà nước, chính sách đối với người lao động, công tác quản trị doanh nghiệp... Tăng cường chỉ đạo, giám sát mảng hoạt động xây lắp và hoạt động sản xuất nước.
- Ban hành và triển khai thực hiện Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tài chính, Quy chế tiền lương, tiền thưởng, Quy chế làm việc của các Phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc trong Công ty. Giám sát hoạt động và việc thực hiện các quy chế này. Tăng cường công tác giám sát và quản trị nội bộ.
- Thực hiện các nghĩa vụ của công ty đại chúng, quan hệ với cổ đông, các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Cập nhật các quy định, quy chế về công bố thông tin và tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định.

Giải pháp về tài chính

- Quản lý chặt chẽ về nguồn vốn, chi phí, tài sản, công cụ, hàng hoá, nguyên vật liệu... Theo dõi, phân tích tình hình quản lý và sử dụng nguồn vốn, tình hình và năng lực tài chính của Công ty. Huy động và sử dụng nguồn vốn, quản lý vốn có hiệu quả. Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn cổ đông Công ty.
- Tính toán, cân đối các khoản nợ và nguồn trả nợ, đảm bảo an toàn tài chính. Tập trung tích lũy vốn để gia tăng tiềm lực tài chính. Lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước, gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng trong phạm vi cấp nước của Công ty.
- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn, phân vùng cải tạo theo địa bàn khách hàng, vay vốn với lãi suất hỗ trợ cho các dự án...



Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tổ chức sắp xếp, bố trí lực lượng lao động sao cho phù hợp và hiệu quả. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự, công tác kế hoạch - kỹ thuật, công tác tài chính - kế toán. Nâng cao trình độ công tác quản lý, trình độ chuyên môn cho các cán bộ nghiệp vụ và người lao động.

- Đánh giá năng lực cán bộ quản lý và nhân viên, để kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng gọn nhẹ, nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty đạt hiệu quả cao.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty thực hiện công tác điều động, luân chuyển người lao động, cán bộ quản lý để phù hợp với trình độ và tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.

- Thường xuyên thiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động và cán bộ quản lý. Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn và có kinh nghiệm.

- Để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài, Công ty có chế độ đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ, công nhân viên, đặc biệt đối với CB.CNV có năng lực. Đồng

thời có cơ chế linh hoạt làm động lực cho CB.CNV rèn luyện phấn đấu vươn lên để trở thành những cán bộ chủ chốt của Công ty.

Giải pháp về thị trường

- Không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ lắp đặt, sản phẩm, dịch vụ ngành nước. Tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng máy móc, thiết bị, đường ống đảm bảo cung cấp nước sạch đạt chất lượng, để khẳng định uy tín Công ty, đáp ứng nhu cầu đa dạng các đối tượng khách hàng.

- Nghiên cứu, khảo sát, có kế hoạch và chiến lược phát triển khách hàng, gia tăng thị trường, mở rộng mạng lưới cấp nước.

Giải pháp về công nghệ

- Nâng cao trình độ quản lý hệ thống cấp nước, quản lý nhà máy nước, hệ thống mạng lưới phân phối, quản lý khách hàng, quản lý hiện trạng cấp nước bằng công nghệ thông tin và các ứng dụng kỹ thuật.

- Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng cho hệ thống quản lý, áp dụng phần mềm vào công tác quản lý nhân sự, quản lý công văn chứng từ, quản lý dự án, quản lý kế hoạch kỹ thuật, quản lý sản xuất, quản lý tài chính...



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Đánh giá đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn ý thức được sự phát triển của Công ty gắn liền với việc bảo vệ môi trường. Do đó, Công ty thường xuyên thực hiện các công tác kiểm tra chất lượng nước, hóa chất xử lý để có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất của Công ty đến môi trường. Từ đó, Công ty có thể đưa ra những biện pháp kiểm soát, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước ở khu vực khai thác và xử lý. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cần có năng

lượng điện. Việc tiêu thụ năng lượng điện có tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất. Do đó, Công ty luôn tuyên truyền, thực hiện các phương pháp nhằm sử dụng tiết kiệm và hợp lý các nguồn năng lượng. Đặc biệt là Công ty chủ trương thực hiện đúng các quy định về khai thác, xử lý, xả thải nhằm bảo vệ môi trường nói chung và nguồn tài nguyên phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty nói riêng.

Đánh giá trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2018 Công ty đã tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng và công tác xã hội, từ thiện, đóng góp: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Vì người nghèo, Quỹ học giỏi - sống tốt, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, người nghèo...



Đánh giá đến vấn đề lao động

Trong năm 2018, các chính sách liên quan đến người lao động luôn được Công ty chú trọng đẩy mạnh thực hiện. Bên cạnh những quyền lợi cơ bản như chính sách lương tăng theo mức lương tối thiểu vùng, khám sức khỏe định kỳ hằng năm và bảo đảm thực hiện thỏa ước người lao động thì Công ty còn

có chính sách trợ cấp khó khăn, thăm hỏi thân nhân ốm đau. Ngoài ra, Công ty còn rất chú trọng tới việc đảm bảo an toàn lao động do vậy công tác trang bị trang phục, dụng cụ bảo hộ cho công nhân sản xuất đều được trang bị đầy đủ và định kỳ kiểm tra tại đơn vị.



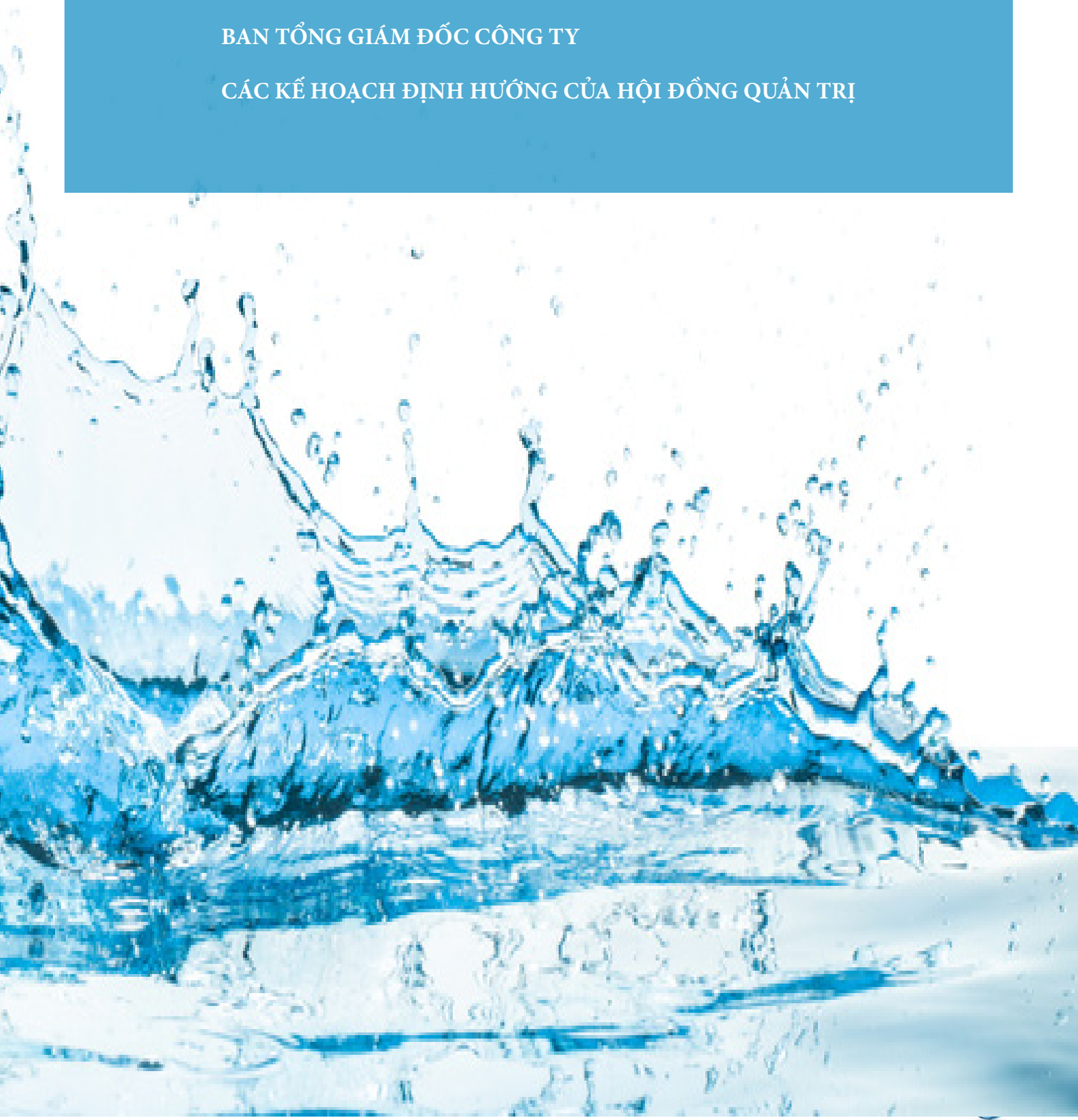
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	Tỷ lệ % hoàn thành
1	Sản lượng				
	- Sản xuất nước sạch	m3	4.490.136	4.829.408	107,5%
	- Sản xuất nước thô	m3	482.474	420.413	87,1%
	- Tiêu thụ nước sạch	m3	3.672.931	3.951.826	107,6%
	- Tiêu thụ nước thô	m3	468.000	408.239	87,2%
2	Tỷ lệ thất thoát				
	- Nước sạch	%	18,2%	18,17%	-0,03%
	- Nước thô	%	3,0%	2,9%	-0,1%
3	Tổng Doanh thu	đồng	81.706.000.000	124.508.452.032	152,4%
	- Doanh thu tiền nước	đồng	31.706.000.000	33.867.802.393	106,8%
	- Doanh thu lắp đặt	đồng	50.000.000.000	90.493.334.711	181,0%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	-	146.834.688	
	- Doanh thu khác	đồng	-	480.240	
4	Tổng chi phí	đồng	73.706.000.000	111.010.698.353	150,6%
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	8.000.000.000	13.497.753.679	168,7%
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ VĐL	%	34,12%	57,56%	168,7%
7	Thuế TNDN (20%)	đồng	1.600.000.000	2.743.550.736	171,5%
8	Lợi nhuận sau thuế	đồng	6.400.000.000	10.754.202.943	168,0%
9	Phát sinh nộp ngân sách nhà nước	đồng	6.000.000.000	13.749.767.481	229,2%
10	Tổng vốn điều lệ	đồng	23.450.000.000	23.450.000.000	100,0%
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL	đồng	27,29%	45,86%	168,0%





Tình hình hoạt động sản xuất của Công ty năm 2018

Công tác thi công các công trình hệ thống cấp nước:

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện thi công lắp đặt các công trình đường ống lớn như:

- Công trình nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước KCN Long Bình (Loteco) giai đoạn II;
- Cải tạo chuyển đổi hệ thống cấp nước các hẻm thuộc KDC Phường An Bình;
- Cải tạo tuyến ống cấp nước uPVC bằng ống HDPE đường Nguyễn Văn Tò - Xã An Hòa;
- Một số công trình cải tạo hệ thống cấp nước các hẻm, khu phố thuộc các phường: Tân Phong, Trảng Dài, Quyết Thắng, Long Bình ...

Về công tác sản xuất cung cấp nước:

Trong năm 2018 đã thực hiện:

- Sản xuất nước sạch cung cấp cho các phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn. Sản lượng sản xuất bình quân 13.415m³/ngày, đạt 89,4% công suất. Tỷ lệ thất thoát bình quân năm: 18,17%;
- Chất lượng nguồn nước đảm bảo, khi xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh và lý hóa đạt 100% theo quy định. Định mức tiêu hao về điện năng, hoá chất sử dụng đạt yêu cầu và thấp hơn theo định mức của Bộ Xây dựng;
- Tình hình phát triển khách hàng: Đến tháng 12/2018, tổng số danh bộ khách hàng do Công ty cấp nước là 15.922 đồng hồ.

Ngoài công tác thi công các tuyến ống cấp nước cho các chủ đầu tư bên ngoài, Công ty cũng đã thi công các công trình của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai giao như: Công trình lắp đặt mới cho các hộ hùn; Công trình cải tạo sửa chữa HTCN các phường xã trong thành phố Biên Hòa; các công trình chuyển đổi, di dời, trám trả mặt bằng sau thi công...

Công tác lắp đặt ống nhánh cho khách hàng: Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện lắp đặt tổng cộng: 12.882 bảng chiết tính cho hộ gia đình và các doanh nghiệp sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất.



Tình hình thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, công tác xã hội

- Trang bị đầy đủ BHLĐ, thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động và an toàn vệ sinh lao động. Trang bị đầy đủ quần áo, đồng phục cho CB.CNV và dụng cụ phục vụ lao động sản xuất.

- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đối với CB.CNV:

+ Chi trả tiền lương đúng kỳ hạn và giải quyết tiền thưởng, Lễ, Tết cho CB-CNV kịp thời;

+ Nộp đầy đủ BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn cho người lao động;

+ Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm đánh giá, khen thưởng theo phân loại A,B,C. Cuối năm khen thưởng các cá nhân và tập thể đạt thành tích & danh hiệu trong phong trào thi đua năm 2018;

+ Tổ chức xét nâng lương cho CB.CNVC - LĐ. Tạo điều kiện, giải quyết kinh phí cho CB.CNV đi học bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn;

+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CB.CNVC - LĐ;

+ Trợ cấp khó khăn và thăm hỏi CB.CNV khi khó khăn và ốm đau, hiếu hỷ;

+ Tổ chức cho CNVC-LĐ nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe theo chế độ;

+ Ngoài các chế độ chính sách chung của Nhà nước, Công ty còn thực hiện thêm một số chính sách để động viên người lao động như: chế độ nghỉ việc riêng được hưởng nguyên lương, trợ cấp về hưu, trợ cấp khó khăn đột xuất...

- Cùng với Ban lãnh đạo Công ty tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2019.

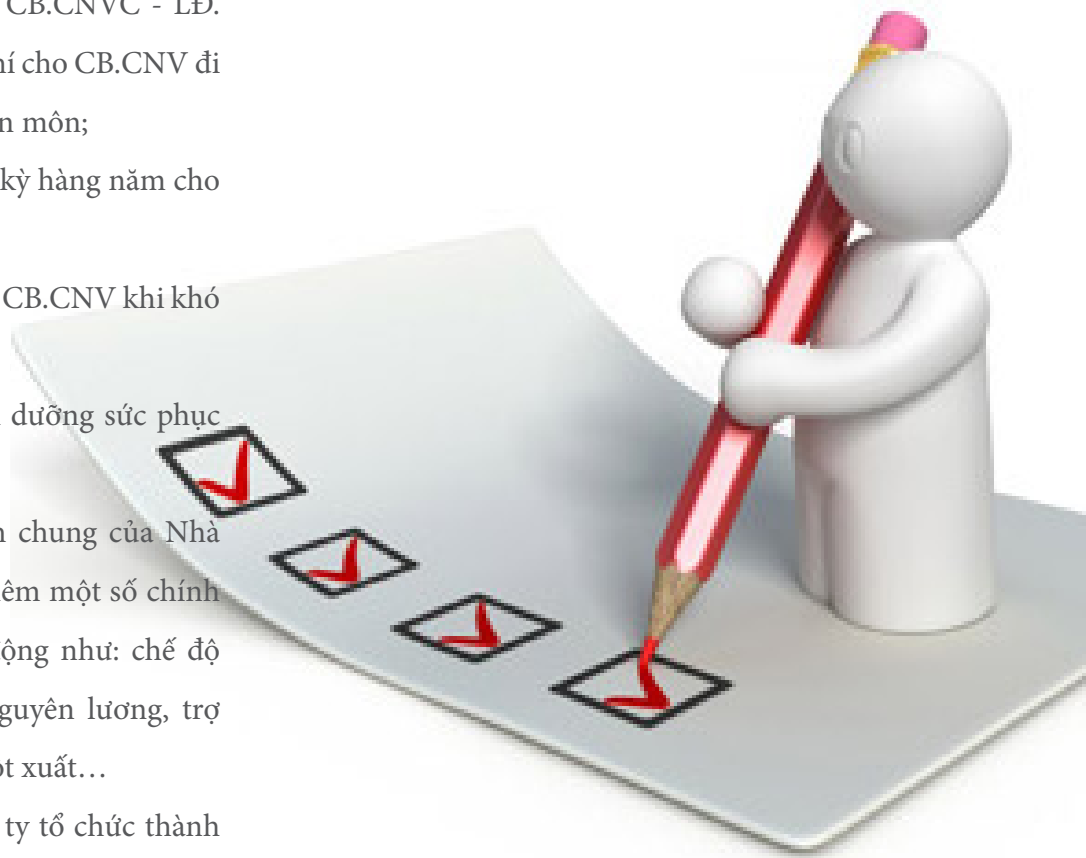
- Trong năm 2018 Công ty đã tham gia các hoạt động cộng đồng và công tác xã hội, từ thiện như:

đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Vì người nghèo, Quỹ học giỏi- sống tốt, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, người nghèo...

Tình hình thực hiện nghĩa vụ của công ty đại chúng, quan hệ với cổ đông:

- Trong năm 2018, Công ty đã hoàn tất tăng vốn điều lệ lên 23.45 tỷ đồng theo phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2018;

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán: công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CBTT với UBCKNN, quan hệ với cổ đông...



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc Công ty, việc tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành; việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018; việc thực hiện các Quyết nghị của Hội đồng quản trị...

- Thông qua việc giám sát và thông qua nội dung đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình tài chính và hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, nhằm hoàn thành các mục tiêu SXKD của Nghị quyết đại hội cổ đông.

- Định kỳ hàng tháng, hàng quý Chủ tịch HĐQT yêu cầu Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý của các

bộ phận trong Công ty trực tiếp báo cáo HĐQT tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD, tình hình thực hiện các công trình, dự án. Báo cáo phải nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình công tác, những vấn đề cần được giải quyết. Qua đó cùng bàn bạc tìm ra hướng giải quyết, tìm cách khắc phục những vấn đề tồn đọng và các giải pháp thực hiện.

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã rà soát, chỉ đạo Ban điều hành Công ty: Quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch của nhà máy nước Hoá An; Hoàn thiện công tác vận hành, quản lý hệ thống cấp nước 04 phường xã Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn; Chỉ đạo cán bộ quản lý của bộ phận kỹ thuật tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động thi công lắp đặt theo đúng quy định của Công ty và các quy định về hoạt động thi công xây lắp.



CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Phối hợp với Ban Giám đốc Công ty để ra phương hướng, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 phù hợp với tình hình và nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng phương án dự phòng cho hoạt động cấp nước an toàn của nhà máy nước Hóa An. Nghiên cứu lập kế hoạch và phương án đầu tư nâng công suất nhà máy nước Hóa An 15.000m³/ ngày đêm.

1

Tăng cường chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Công ty: hoạt động xây lắp, hoạt động sản xuất nước, tình hình đầu tư TSCĐ, đầu tư XD/CB, việc thực hiện chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông, công tác quản trị doanh nghiệp ... Kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty.

3

2

- Theo dõi, xem xét năng lực tài chính Công ty, cân đối các nguồn để trả nợ cho Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai.

- Duy trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị để tổng hợp tình hình sản xuất, xử lý khó khăn, đánh giá và chỉ đạo kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trong toàn Công ty.

Ban hành và triển khai thực hiện Quy chế quản trị nội bộ để hoàn thiện công tác quản trị Công ty. Giám sát việc thực hiện các qui chế về quản trị doanh nghiệp, tăng cường giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ.

4

5

Tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019, nỗ lực mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng, duy trì ổn định sản xuất, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận. Cùng với Ban lãnh đạo Công ty phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019, đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG

TY NĂM 2018

ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG

QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019



HEALTH

PROTECTION CLIMA

BAI ANCE PRESE

ecolo
WOR

SEA

ENVIRONMENT

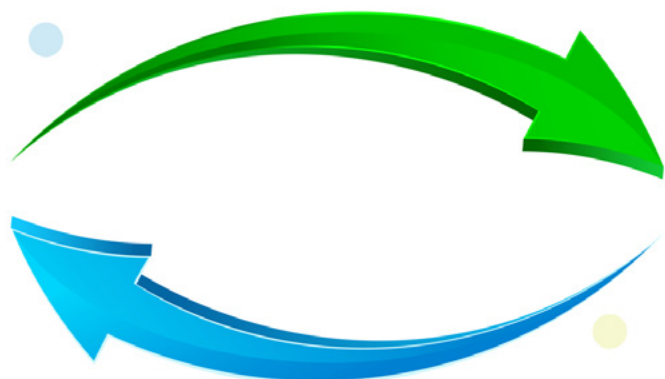
EC

WORLD
ecology
water
SEAWATER
eco life
ocean



KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2018

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018



Về công tác lắp đặt đường ống:

- Lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng theo các bảng chiết tính công tác lắp đặt nhận từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai và các công trình lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng theo hợp đồng. Tổng số bảng chiết tính thực hiện năm 2018 là: 12.882 BCT;

- Thi công các công trình sửa chữa, cải tạo, di dời, trám trả ... mở rộng mạng lưới cấp nước do Công ty mẹ giao. Trong năm, đã hoàn thành các công trình đường ống có giá trị lớn như: Công trình nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước KCN Long Bình (Loteco) giai đoạn 2; Cải tạo chuyển đổi hệ thống cấp nước các hẻm thuộc KDC Phường An Bình (của HTX Long Biên bàn giao); Chuyển đổi hệ thống cấp nước các hẻm thuộc xã An Hòa- TP Biên Hòa; chuyển đổi cải tạo hệ thống cấp nước phường Long Bình Tân; phường Tam Hiệp, phường Hồ Nai, phường Trảng Dài...

- Tổng doanh thu xây lắp năm 2018: 90.493.334.711 đồng.

Về công tác sản xuất nước và các dịch vụ khác:

Nhà máy nước Hoá An công suất 15.000m³/ngày đêm hoạt động ổn định. Năm 2018, sản lượng nước sản xuất bình quân 13.415 m³/ngày đêm, đạt 89,4% công suất thiết kế. Chế độ vận hành và phân bổ bơm hợp lý. Chất lượng nguồn nước đảm bảo.

Tình hình sản xuất nước trong năm 2018 như sau:

- Nhà máy nước Hoá An 15.000m³/ngày đêm:

+ Sản lượng nước sản xuất: 4.829.408 m³

+ Sản lượng nước tiêu thụ: 3.951.826 m³

+ Tỷ lệ thất thoát: 18,17 %

+ Doanh thu năm 2018: 32.028.509.923 đồng

- Trạm bơm nước thô Hoá An:

+ Sản lượng nước sản xuất: 420.413 m³

+ Sản lượng nước tiêu thụ : 408.239 m³

+ Tỷ lệ thất thoát: 2,9 %

+ Doanh thu năm 2018 : 1.839.292.470 đồng

Tình hình phát triển khách hàng trên địa bàn cấp nước (4 phường xã):

- Tổng số khách hàng vào nước mới năm 2018 : 1.004 hộ khách hàng;

- Tổng số đồng hồ đấu nối đến 31/12/2018: 15.922 đồng hồ.

Xưởng cơ khí gia công cơ khí các phụ tùng, vật tư... phục vụ công tác thi công lắp đặt đường ống.

Gia cố, sửa chữa công cụ, dụng cụ thi công. Gia công các thiết bị, vật tư.. phục vụ công tác bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành của nhà máy nước Hóa An.



Công tác đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ

- Trong năm 2018, Công ty đầu tư TSCĐ vô hình phục vụ công tác ghi thu, với tổng giá trị: 340.000.000 đồng. Bao gồm:
 - + Phần mềm quản lý ghi thu: 160.000.000 đ
 - + Phần mềm hóa đơn điện tử: 130.000.000 đ
 - + Phần mềm ghi chỉ số nước: 50.000.000 đ
- Việc đầu tư TSCĐ phục vụ SXKD thực hiện đúng quy định tại Quy chế tài chính của Công ty.



Công tác Tài chính - Kế toán

- Việc quản lý tài chính: Tuân thủ theo quy định của pháp luật và qui chế tài chính Công ty đã ban hành. Thực hiện đúng nghĩa vụ báo cáo thuế và nộp ngân sách.
- Kế toán áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Lập biểu mẫu và mở sổ sách kế toán đúng qui định. Các chỉ số tài chính nằm trong giới hạn cho phép, không có rủi ro về tài chính. Công ty chấp hành qui chế về quản lý tài chính, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu.



Công tác tổ chức, lao động và nhân sự:

- Tình hình tổ chức, nhân sự ổn định. Việc bố trí, sắp xếp lao động hợp lý, đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện nay. Tổ chức phân công lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.
- Tổng số CB CNV đến thời điểm 31/12/2018 là: 119 người
- Tổng quỹ lương thực hiện năm 2018: 19.477 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: 13 triệu đồng/người/tháng.

- Công ty quản lý lao động - tiền lương đúng quy định và chăm lo tốt đời sống CB-CNV. Trong năm 2018, Công ty thực hiện các nội dung về thỏa ước lao động tập thể đã ký với người lao động; thực hiện qui chế trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT theo đúng qui định. Thu nhập và đời sống người lao động được cải thiện, người lao động an tâm công tác và hoàn thành nhiệm vụ.
- Công tác đoàn thể hoạt động tích cực. Quy chế dân chủ cơ sở được phát huy. Công tác xã hội cũng được quan tâm thực hiện.

ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên hoạt động chuyên trách, giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty; đề ra các chủ trương, định hướng phù hợp tình hình Công ty và nhiệm vụ được giao.

- Thông qua các báo cáo của Giám đốc Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành Công ty của Giám đốc, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, chủ động trong việc chỉ đạo điều hành đảm bảo cho hoạt động của Công ty một cách tốt nhất.

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị tiến hành các phiên họp định kỳ và đột xuất để trao đổi, bàn bạc các vấn đề liên quan việc chỉ đạo, điều hành hoạt động Công ty. Thường xuyên theo dõi công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban kiểm soát giám sát các vấn đề như:

- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật hiện hành và các Quy chế của Công ty.

- Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Thực hiện các Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành liên quan đến sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

- Hoạt động Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn phối hợp chặt chẽ, đồng thuận trên cơ sở phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.



Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Ban Giám đốc gồm 04 thành viên (01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng) đều thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong công việc.

- Ban Giám đốc quản lý và điều hành chặt chẽ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Ban Giám đốc trực tiếp điều hành mọi hoạt động của doanh nghiệp: công tác thi công các công trình lắp đặt, công tác quản lý sản xuất của nhà máy nước; công tác đầu tư mua sắm TSCĐ; công

tác quản trị doanh nghiệp; chính sách đối với người lao động đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, lợi ích của cổ đông và người lao động.

- Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra, linh hoạt trong tổ chức và điều hành, tranh thủ sự hỗ trợ và ý kiến chỉ đạo từ Công ty mẹ, đưa ra các giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Định kỳ hàng Quý, 6 tháng và hàng năm, Giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đã thực hiện trong kỳ. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Giám đốc báo cáo tình hình SXKD, trình bày phương hướng kế hoạch trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá kết quả thực hiện và có biện pháp chỉ đạo trong quý kế tiếp.

- Năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, bao gồm khối lượng thi công lắp đặt theo kế hoạch và kế hoạch sản xuất cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sử dụng nước cho dân cư 04 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn.



Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Ban quản lý điều hành và cổ đông

- Hội đồng quản trị cùng với Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo sát sao và điều hành chặt chẽ mọi hoạt động của Công ty, tập trung thực hiện hoàn thành nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị và Ban quản lý điều hành Công ty đã phát huy năng lực của bộ máy quản trị điều hành, vai trò lãnh đạo và trách nhiệm trước CB-CNV và cổ đông của Công ty; chấp hành qui định của pháp luật trong việc quản lý điều hành; thống nhất trong công tác quản lý và không có xung đột về quyền lợi

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt

động của Công ty, trao đổi, góp ý với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Ban quản lý điều hành Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

- Ban kiểm soát giám sát Công ty trong việc quan hệ với cổ đông. Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại của cổ đông.

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn thống nhất trên cơ sở tuân thủ các qui định pháp luật và phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.





Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2019 của Ban kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định. Phân công, phân nhiệm để phối hợp thực hiện nhiệm vụ năm 2019.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình quản trị, việc quản lý, sử dụng vốn tại Công ty cổ phần.

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong công tác quản lý điều hành, trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; xem xét việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Giám sát việc thực hiện quy chế nội bộ về quản

trị Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ cổ đông, các nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của công ty cổ phần.

- Hỗ trợ bộ phận kế toán về công tác chuyên môn. Hỗ trợ Công ty các công việc liên quan đến hoạt động của công ty cổ phần đại chúng.

- Kiểm tra định kỳ sổ sách, chứng từ kế toán, các tài liệu có liên quan. Xác nhận số liệu báo cáo tài chính & kết quả kinh doanh 6 tháng và cả năm. Lập các báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Đại hội đồng cổ đông theo qui định.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát qui định tại Điều lệ Công ty, qui chế hoạt động của Ban kiểm soát hoặc do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu.

- Phấn đấu nâng cao năng lực của từng thành viên trong Ban kiểm soát, khắc phục những hạn chế sai sót để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	Đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai: 515.900 CP (22 %)
2	Đặng Trọng Thành	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 29.400 CP (1,25 %)
3	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 139.664 CP (5,96 %); Đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai: 328.300 CP (14%)

Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	27/4/2018	12	100%
2	Đặng Trọng Thành	Thành viên HĐQT	27/4/2018	12	100%
3	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	27/4/2018	12	100%



Từ sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đến nay, Hội đồng quản trị đã tiến hành các phiên họp thường kỳ và đột xuất, với các nội dung chính như sau:

STT	Nội dung họp
1	Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018-2023
2	Về chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2017
3	Thông qua bổ nhiệm lại Người điều hành và Thư ký Công ty nhiệm kỳ 2018-2023
4	Nhất trí chọn ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty trên sàn Upcom
5	Về việc thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; triển khai thực hiện phương án phát hành
6	Về việc lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
7	Đánh giá tình hình hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2018, xem xét rà soát các Quy chế về quản lý hoạt động của Công ty.
8	Thay đổi và sửa đổi vốn điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai từ 16.750.000.000 đồng lên 23.450.000.000 đồng
9	Báo cáo và đánh giá tình hình SXKD 9 tháng đầu năm 2018, đề ra nhiệm vụ của 3 tháng cuối năm 2018
10	Tạm trích Quỹ khen thưởng để thưởng cuối năm cho Ban điều hành Công ty và CB-CNV đóng góp cho hoạt động của Công ty trong năm 2018
11	Về việc chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội cổ đông năm 2019
12	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2018 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2018. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019.

Ngoài ra, HĐQT Công ty thường xuyên gặp nhau để trao đổi, bàn bạc giải quyết các vấn đề về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT năm 2018

Trong năm, Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 13 nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	04-NQ/HĐQT	27/04/2018	Quyết định về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.
2	05-NQ/HĐQT	16/5/2018	Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2017.
3	06-NQ/HĐQT	22/5/2018	Quyết định bổ nhiệm lại Người điều hành và Thư ký Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.
4	07-NQ/HĐQT	24/05/2018	Quyết định về ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty trên sàn Upcom.
5	08-NQ/HĐQT	25/06/2018	Quyết định về việc thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; triển khai thực hiện phương án phát hành.
6	09/NQ-HĐQT	09/07/2018	Quyết định về việc lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
7	10/NQ-HĐQT	16/08/2018	Quyết định sửa đổi vốn điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai từ 16.750.000.000 đồng lên 23.450.000.000 đồng.
8	11/NQ-HĐQT	22/08/2018	Quyết định về việc thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung với VSD và đăng ký giao dịch bổ sung với HNX.
9	12/NQ-HĐQT	05/03/2019	Quyết định về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
10	13/NQ-HĐQT	26/3/2019	Quyết định thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú (Thành viên độc lập - Thành viên điều hành - Thành viên không điều hành)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại DVW (Sở hữu cá nhân; sở hữu đại diện)
1	Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban	Chuyên trách	Sở hữu cá nhân: 0 CP, tỷ lệ 0%; Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0 %
2	Đặng Thị Thắm	Thành viên	Không chuyên trách	Sở hữu cá nhân: 0 CP, tỷ lệ 0%; Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0 %
3	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên	Không chuyên trách	Sở hữu cá nhân: 0 CP, tỷ lệ 0%; Sở hữu đại diện: 0 CP, tỷ lệ 0 %

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban kiểm soát (nhiệm kỳ 2018-2023) trong năm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	27/4/2018	03	100%
2	Đặng Trọng Thành	Thành viên HĐQT	27/4/2018	03	100%
3	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	27/4/2018	03	100%

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp với các nội dung sau:

- Bầu Trưởng ban kiểm soát sau khi thay đổi nhân sự BKS nhiệm kỳ 2018-2023;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2018 và phân công nhiệm vụ của BKS;
- Thẩm định BCTC năm 2018.

BAN KIỂM SOÁT



Hoạt động của Ban kiểm soát (tt)

Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện công việc kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động và tình hình tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được quy định. Cụ thể như sau:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trong quá trình quản lý, điều hành; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, việc thực hiện qui chế quản trị nội bộ, qui chế tài chính, quy định về quản trị doanh nghiệp...
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư XDCB, việc chấp hành chế độ, chính sách Nhà nước, việc thực hiện chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông, nghĩa vụ của công ty đại chúng.
- Xem xét tính hợp lệ và sự phù hợp các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành sản xuất, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Xem xét, kiểm tra Báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, hàng năm của doanh nghiệp. Phối hợp với Phòng Tài chính kế toán làm rõ các nội dung trong Báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm 2018. Xem xét các báo cáo soát xét và báo cáo tài chính đã kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt được các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, năm.

- Báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, được phân công nhiệm vụ như sau:

- Đỗ Thị Thúy Hằng (Trưởng BKS): Thực hiện nhiệm vụ của Trưởng BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Chịu trách nhiệm chung về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát. Phân công và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên BKS. Tổng hợp và lập các báo cáo của BKS.

- Ngô Thị Đài Trang (Thành viên BKS): Kiểm tra chi phí SXKD của Công ty qua các báo cáo tài chính của Công ty. Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng, việc thực hiện các quan hệ của Công ty với cổ đông, nhà đầu tư.

- Đặng Thị Thảo (Thành viên BKS): Kiểm tra doanh thu, công nợ phải thu. Kiểm tra hồ sơ của các công trình lắp đặt, việc ký kết và thực hiện các hợp đồng lắp đặt...



Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

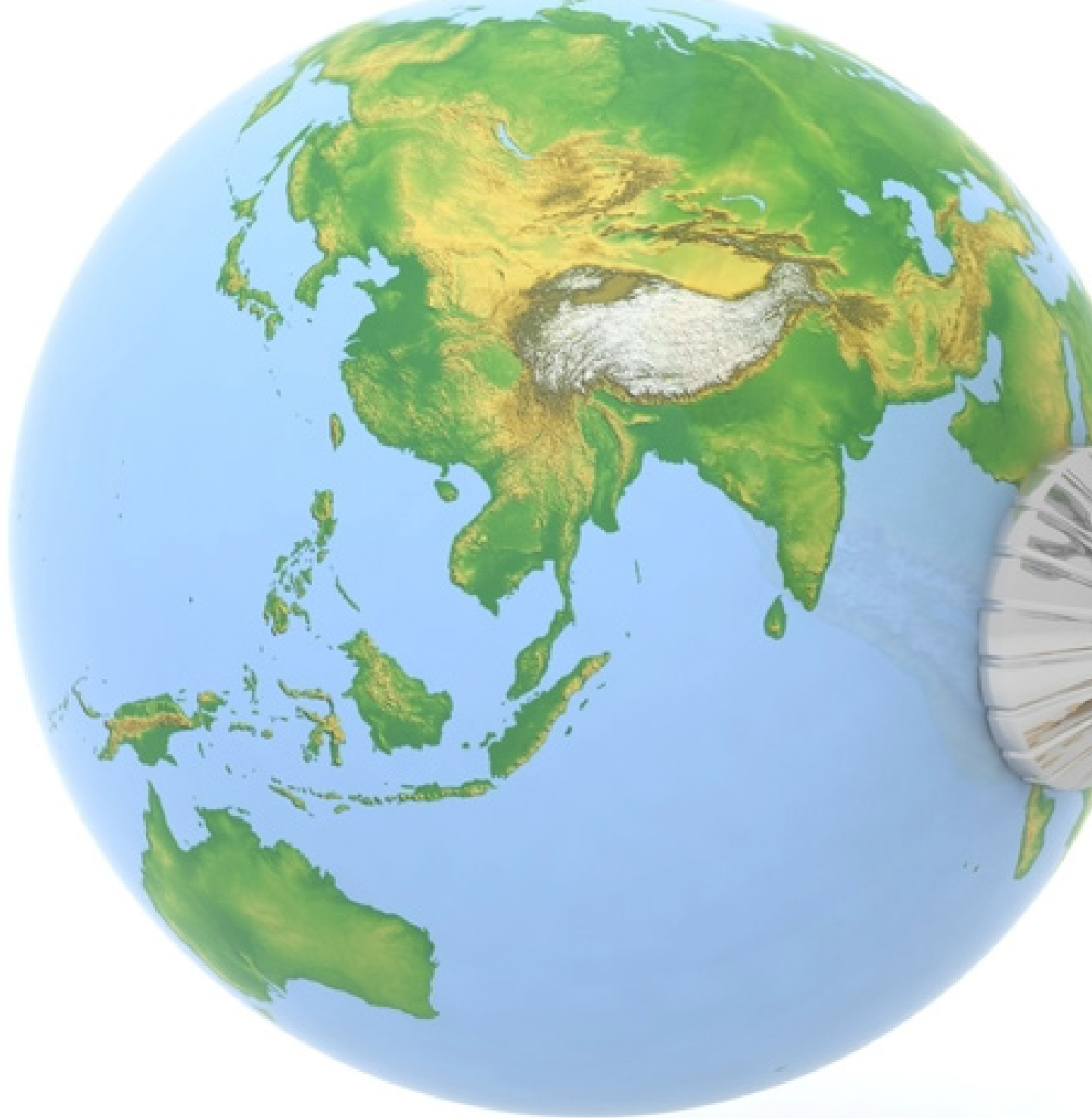
STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng và thu nhập khác	Thù lao
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Nguyễn Cao Hà (tháng 5 đến 12/2018)	Chủ tịch HĐQT			72.000.000
2	Đặng Trọng Thành	TV HĐQT	129.000.000	65.000.000	56.000.000
3	Trần Chiến Thắng	TV HĐQT	536.783.000	35.000.000	76.000.000
BAN KIỂM SOÁT					
1	Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban	264.000.000	30.000.000	
2	Đặng Thị Thắm (tháng 5 đến 12/2018)	Thành viên			40.000.000
3	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên		8.000.000	52.000.000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC					
1	Phạm Văn Hội	Giám đốc	647.265.000	39.000.000	20.000.000
2	Phan Bình	Phó Giám đốc	536.783.000	25.000.000	
3	Lê Chí Nguyên Thăng	Kế toán trưởng	489.870.000	25.000.000	

Đào tạo về quản trị công ty

Tổ chức cho cán bộ lãnh đạo Công ty tham gia khóa đào tạo về quản trị Công ty, đào tạo về kỹ năng lãnh đạo cho thành viên Ban Giám đốc. Thường xuyên tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn ngắn hạn để nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đến cổ phiếu của công ty niêm yết

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đỗ Thúy Phượng	Em ruột-Trưởng BKS	1.243	0,053%	0	0%	Bán



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 29

02
CC
MT
RSM

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Đặng Trọng Thành	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch và bổ nhiệm chức danh Thành viên ngày 27/04/2018
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Phạm Văn Hội	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Đài Trang	Thành viên
Bà Đặng Thị Thắm	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Hội	Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc
Ông Phan Bình	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Văn Hội

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

89
T
I
T
U
N
A
C

Số: 19.119/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2019 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 03 năm 2018.

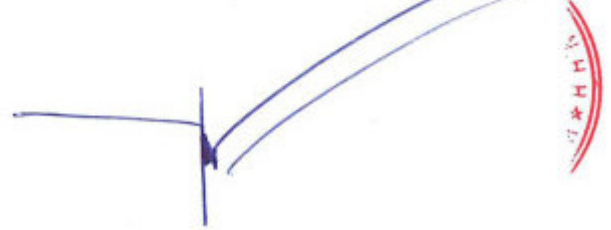
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2019



Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2016-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.011.489.947	46.685.497.747
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	13.713.412.043	11.016.087.374
1. Tiền	111		10.113.412.043	11.016.087.374
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.600.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.001.322.632	24.657.712.233
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	18.758.311.058	23.988.694.219
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		807.960.209	101.516.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	671.004.410	667.602.014
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(136.853.054)	-
III. Hàng tồn kho	140		296.755.272	10.246.809.982
1. Hàng tồn kho	141	4.5	296.755.272	10.246.809.982
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	764.888.158
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	764.888.158
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.831.034.171	65.765.504.626
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		253.922.207	2.662.269.823
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.2	2.676.444.996	2.749.781.996
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(2.422.522.789)	(87.512.173)
II. Tài sản cố định	220		51.577.111.964	63.103.234.803
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	51.317.194.155	63.103.234.803
Nguyên giá	222		99.716.064.701	99.716.064.701
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.398.870.546)	(36.612.829.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	259.917.809	-
Nguyên giá	228		340.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.082.191)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		85.842.524.118	112.451.002.373

502
C
EM
RS
/

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		42.592.613.670	72.269.824.634
I. Nợ ngắn hạn	310		20.208.992.828	57.542.453.790
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		506.940.891	26.020.597.394
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		736.000.000	39.889.821
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	1.492.541.240	230.417.196
4. Phải trả người lao động	314	4.9	6.154.909.610	8.593.202.398
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	930.658.961	910.275.091
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	5.625.000.000	18.750.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12	4.762.942.124	2.998.071.890
II. Nợ dài hạn	330		22.383.620.844	14.727.370.844
1. Phải trả người bán dài hạn	331		102.370.844	102.370.844
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		250.000.000	250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	22.031.250.000	14.375.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.249.910.448	40.181.177.739
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	43.249.910.448	40.181.177.739
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.450.000.000	16.750.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.450.000.000	16.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.510.500	31.510.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.180.507.341	7.228.881.528
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.587.892.607	16.170.785.711
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.833.689.664	5.737.569.102
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.754.202.943	10.433.216.609
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		85.842.524.118	112.451.002.373



Phạm Văn Hội
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2019

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	124.406.662.949	112.892.439.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		45.525.845	949.352
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		124.361.137.104	112.891.490.367
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	92.837.578.381	93.944.323.312
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.523.558.723	18.947.167.055
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		146.834.688	653.627.737
7. Chi phí tài chính	22	5.3	2.138.804.000	2.823.823.000
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.138.804.000	2.823.823.000
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	3.126.576.723	1.549.724.397
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	12.907.739.249	3.702.842.214
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.497.273.439	11.524.405.181
11. Thu nhập khác	31		480.240	1.424.160
12. Chi phí khác	32		-	1.400.000
13. Lợi nhuận khác	40		480.240	24.160
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.497.753.679	11.524.429.341
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	2.743.550.736	1.091.212.732
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.754.202.943	10.433.216.609
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70		4.725	4.640



Phạm Văn Hội

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Lê Chí Nguyên Thăng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.497.753.679	11.524.429.341
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	11.866.122.839	11.589.958.882
Các khoản dự phòng	03		2.471.863.670	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(146.834.688)	(653.627.737)
Chi phí lãi vay	06		2.138.804.000	2.823.823.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		29.827.709.500	25.284.583.486
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.745.995.596	(6.308.975.012)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.950.054.710	(9.857.254.470)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(26.722.438.147)	(7.294.269.961)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.138.804.000)	(2.823.823.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.5	(1.382.677.678)	(2.921.114.452)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(895.600.000)	(751.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.384.239.981	(4.672.353.409)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(340.000.000)	(2.218.733.183)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		146.834.688	653.627.737
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(193.165.312)	(1.565.105.446)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	15.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(20.468.750.000)	(8.750.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.493.750.000)	(13.775.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		2.697.324.669	(20.012.458.855)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.016.087.374	31.028.546.229
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	13.713.412.043	11.016.087.374



Phạm Văn Hội
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2019

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí nghiệp Thiết kế xây dựng - một đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3058/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Thiết kế xây dựng thành công ty cổ phần. Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 00 năm 2017.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 241/2017/GCNCP-VSD ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 20 tháng 06 năm 2018, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 289/QĐ-SGDHN.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 16.750.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	8.442.000.000	36	6.030.000.000	36
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	15.008.000.000	64	10.720.000.000	64
Cộng		23.450.000.000	100	16.750.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 120 (31 tháng 12 năm 2017: 126).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình công nghiệp;
- Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (Không sản xuất tại trụ sở);
- Khai thác nước phục vụ công nghiệp;
- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2000/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2000 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2010
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

3.6. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá trị tài sản, nợ phải trả được chuyển thành vốn lớn hơn giá trị phần vốn được tính là vốn góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

3.8. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.9. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.11. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

3.12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng là hộ gia đình, chi phí thay thế đồng hồ nước, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (cả hoạt động lắp đặt),.....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cung cấp nước: 5%;
- Dịch vụ lắp đặt: 10%;

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khon thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	141.500.920	63.542.105
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.971.903.117	10.952.545.269
Các khoản tương đương tiền	3.600.000.000	-
Cộng	13.713.412.043	11.016.087.374

4.2. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7.	15.248.713.956	20.331.006.500
Các khách hàng khác	3.509.597.102	3.657.687.719
Cộng	18.758.311.058	23.988.694.219
Dài hạn:		
Phải thu từ khách hàng:		
Ban Quản lý dự án TP. Biên Hòa	1.300.369.020	1.373.706.020
UBND Phường Long Bình	1.288.563.803	1.288.563.803
Công ty TNHH XD Duy Tiên	87.512.173	87.512.173
Cộng	2.676.444.996	2.749.781.996

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tạm ứng	198.922.828	222.406.320
Ký quỹ, ký cược	372.981.591	345.095.694
Cộng	571.904.419	567.502.014

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.836.431.811	277.055.968	2.749.781.996	2.562.263.823

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ban Quản lý dự án TP. Biên Hòa	1.300.369.020	-	1.373.706.020	1.373.706.020
UBND Phường Long Bình Công ty TNHH XD Duy Tiên	1.288.563.803 87.512.173	253.922.207	1.288.563.803 87.512.173	1.288.563.803
Các khách hàng khác	159.986.815	23.133.761	-	-
Cộng	2.836.431.811	277.055.968	2.749.781.996	2.662.269.823

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nguyên liệu, vật liệu	137.221.272	145.025.020
Công cụ, dụng cụ	159.534.000	68.234.962
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	10.033.550.000
Cộng	296.755.272	10.246.809.982

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	17.484.423.234	25.449.732.465	56.321.568.003	460.340.999	99.716.064.701
Tại ngày 31/12/2018	17.484.423.234	25.449.732.465	56.321.568.003	460.340.999	99.716.064.701
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	9.942.010.489	13.670.990.927	12.842.103.227	157.725.255	36.612.829.898
Khấu hao trong năm	2.412.726.183	3.540.641.299	5.740.469.671	92.203.495	11.786.040.648
Tại ngày 31/12/2018	12.354.736.672	17.211.632.226	18.582.572.833	249.928.750	48.398.870.546
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	7.542.412.745	11.778.741.538	43.479.464.776	302.615.744	63.103.234.803
Tại ngày 31/12/2018	5.129.686.562	8.238.100.239	37.738.995.105	210.412.249	51.317.194.155

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 33.840.562.125 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố, cầm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.7 Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.809.165.250 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2018	-
Tăng trong năm	340.000.000
Tại ngày 31/12/2018	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2018	-
Khấu hao trong năm	80.082.191
Tại ngày 31/12/2018	80.082.191
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2018	-
Tại ngày 31/12/2018	259.917.809

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	442.695.861	7.179.698.635	6.583.880.725	153.122.049	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	749.106.949	2.743.550.736	1.382.677.578	611.766.109	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.800.000	633.559.730	626.659.730	-	900.000
Thuế tài nguyên	-	13.696.365	164.614.365	163.659.705	-	12.741.705
Các loại thuế khác	-	-	244.992.474	244.992.474	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	279.242.065	2.783.351.541	2.720.884.967	-	216.775.491
Cộng	-	1.492.541.240	15.749.767.481	11.722.755.279	764.888.158	230.417.196

4.9. Phải trả người lao động

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền lương tháng 12	1.045.513.910	737.175.350
Tiền thưởng	2.668.770.000	4.710.071.780
Trích dự phòng quỹ tiền lương	2.440.625.700	3.145.955.268
Cộng	6.154.909.610	8.593.202.398



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả khách hàng là bên liên quan – Xem thêm mục 7	293.508.224	293.508.224
Kinh phí công đoàn	193.122.832	193.122.832
Bảo hiểm xã hội	25.779.319	59.363.607
Bảo hiểm y tế	40.156.027	46.527.841
Bảo hiểm thất nghiệp	29.860.831	35.013.107
Phải trả khác	348.231.728	282.739.480
Cộng	930.658.961	910.275.091

4.11. Vay và nợ thuế tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000	18.750.000.000	18.750.000.000	18.750.000.000
Vay dài hạn:	22.031.250.000	22.031.250.000	15.000.000.000	7.343.750.000	14.375.000.000	14.375.000.000
Cộng	27.656.250.000	27.656.250.000	20.625.000.000	26.093.750.000	33.125.000.000	33.125.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vay ngắn hạn:				
Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch	VND	7%/ năm	-	15.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả:				
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	VND	7% - 7,8%/năm	5.625.000.000	3.750.000.000
Cộng			5.625.000.000	18.750.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vay dài hạn:				
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	VND	7% - 7,8%/năm	22.031.250.000	14.375.000.000

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Hệ thống phân phối nước khu vực 04 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa và Tân Vạn;
- Xe tải ben HD601,8 tấn biển số 60C 212 57;
- Xe toyota Zace 8 chỗ, biển số 60A 227 82;
- Xe tải nhẹ KIA biển số 60C 212 62.

Giá trị còn lại của các khoản tài sản cầm cố thế chấp là 33.840.562.125 VND – Xem thêm mục 4.4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2018	2.998.071.890
Trích trong năm	2.660.470.234
Chi trong năm	(895.600.000)
Tại ngày 31/12/2018	<u>4.762.942.124</u>

(Xem tiếp trang sau)

89-
TY
H
& TƯ
T NAI
C

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	16.750.000.000	31.510.500	5.160.587.634	15.261.108.322	37.203.206.456
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.433.216.609	10.433.216.609
Trích các quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.068.293.894	(2.068.293.894)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.430.245.326)	(2.430.245.326)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	16.750.000.000	31.510.500	7.228.881.528	16.170.785.711	40.181.177.739
Tăng vốn trong năm nay	6.700.000.000	-	(6.700.000.000)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.754.202.943	10.754.202.943
Trích các quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.651.625.813	(3.651.625.813)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.660.470.234)	(2.660.470.234)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	23.450.000.000	31.510.500	4.180.507.341	15.587.892.607	43.249.910.448

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu năm	16.750.000.000	16.750.000.000
Vốn góp tăng trong năm	.6.700.000.000	.
Vốn góp cuối năm	23.450.000.000	16.750.000.000

4.13.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.450.000	1.675.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.450.000	1.675.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.450.000	1.675.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.13.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	10.754.202.943	10.433.216.609
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.720.672.471	2.660.470.234
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.033.530.472	7.772.746.375
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.911.795	1.675.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.725	4.640

4.13.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2018	7.228.881.528
Trích trong năm	3.651.625.813
Chi trong năm	(6.700.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	4.180.507.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cấp nước	33.867.802.393	31.539.364.200
Doanh thu hoạt động xây lắp	90.538.860.556	81.353.075.519
Cộng	124.406.662.949	112.892.439.719
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7.	75.094.277.778	63.906.318.021

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	23.723.080.783	23.161.274.113
Giá vốn hoạt động xây lắp	69.114.497.598	70.783.049.199
Cộng	92.837.578.381	93.944.323.312

5.3. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ. Trong đó, chi phí lãi vay đối với bên liên quan là 87.500.000 VND – Xem thêm mục 7.

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	1.783.355.079	329.432.476
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.239.635.864	1.192.969.341
Chi phí khác	103.585.780	27.322.580
Cộng	3.126.576.723	1.549.724.397

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.633.289.624	2.698.141.042
Chi phí dự phòng	2.471.863.670	-
Chi phí khác	3.802.585.955	1.004.701.172
Cộng	12.907.739.249	3.702.842.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.797.852.464	41.724.135.116
Chi phí nhân công	45.269.072.178	45.379.417.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.866.122.839	11.589.958.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.358.311.067	5.012.492.774
Chi phí dự phòng	2.471.863.670	-
Chi phí khác bằng tiền	4.075.122.135	5.524.435.201
Cộng	98.838.344.353	109.230.439.923

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	13.497.753.679	11.524.429.341
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	220.000.000	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(6.068.365.681)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	13.717.753.679	5.456.063.660
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.743.550.736	1.091.212.732

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	15.000.000.000	-

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	20.468.750.000	8.750.000.000

361
ĐN
TN
TOÁ
HVI
T.F

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai
2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu – Xem thêm mục 4.2:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	15.248.713.958	20.331.008.500
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	807.960.209	-
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả ngắn hạn khác – Xem thêm mục 4.10:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	293.508.224	293.508.224
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	75.094.277.778	63.906.318.021
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	5.198.100.439	10.809.459.452
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay – Xem thêm mục 5.3:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	87.500.000	350.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	2.768.544.000	2.686.100.000

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Liền lương và các chi phí hoạt động	384.000.000	394.398.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2018 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2018 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Thuế GTGT được khấu trừ	-	153.122.049
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	764.888.158	611.766.109

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do trình bày lại khoản thuế GTGT được khấu trừ cho phù hợp. Việc phân loại lại các thông tin so sánh nêu trên để đảm bảo tính phù hợp của số liệu và bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh, Giám đốc Công ty tin rằng việc phân loại lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc.

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	2017 VND (Được báo cáo lại)	2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.640	5.263

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do có sự chênh lệch giữa số tiền khen thưởng phúc lợi tạm trích và thực tế phát sinh của năm tài chính 2017.

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Đồng Nai, Ngày 02 Tháng 04 Năm 2019



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Lợi





Số 52 Cách mạng tháng 8, Phường Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai



Telephone: (0251) 3941 679

Fax: (0251) 3840 797



Website: www.dvxdcn.com

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI